

ANNUAL REPORT

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2009



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



ANNUAL REPORT

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2009

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	08
Thông tin ngân hàng	10
Giải thưởng	12
Các chỉ tiêu tài chính 2005 -2009	14
10 kết quả nổi bật	16
Giới thiệu Ban lãnh đạo BIDV	18
Mô hình tổ chức hệ thống BIDV	24
Mô hình tổ chức trụ sở chính	26
Phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực	28
Hoạt động Công nghệ thông tin	30
Đánh giá hiệu quả kinh doanh 2009	32
Kết quả hoạt động chính	36
Hoạt động cộng đồng	40
Kết quả hoạt động của các đơn vị thành viên	43
BIDV với lộ trình cổ phần hóa	54
Kế hoạch kinh doanh 2010	56
Báo cáo kiểm toán hợp nhất	62
Một số thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 2009 theo IFRS	67
Mạng lưới	80



**CHIA SẺ CƠ HỘI
HỢP TÁC THÀNH CÔNG**



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Năm 2009, BIDV tiếp tục khẳng định vị thế định chế tài chính hàng đầu đất nước, góp phần thực thi hiệu quả chính sách tài chính tiền tệ, chính sách kinh tế vĩ mô, thực hiện chủ trương kiểm chế lạm phát, duy trì tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Cùng với cộng đồng doanh nghiệp vượt qua một năm kinh doanh nhiều biến động, BIDV luôn chủ động và tích cực thực hiện “gói kích thích kinh tế” của Chính phủ, triển khai đồng bộ, hiệu quả, đúng đối tượng các chương trình, nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất, giúp doanh nghiệp từng bước vượt qua khó khăn, góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng. Hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Theo báo cáo hợp nhất chuẩn mực quốc tế, kết thúc năm tài chính 2009, tổng tài sản của BIDV đạt 292.198 tỷ, dư nợ tín dụng đạt 198.979 tỷ - tăng trưởng tương ứng 20,6% và 29,1% so với năm 2008. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.196 tỷ hoàn thành 92,2% kế hoạch năm. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh đã vượt kế hoạch đề ra: chỉ số ROE đạt 21,05% , chỉ số ROA đạt 0,94%. hệ số an toàn vốn CAR đạt 7,55% (theo chuẩn mực Việt Nam CAR đạt 9,53%), đảm bảo an toàn thanh khoản và đồng thời hỗ trợ thanh khoản đối với một số định chế tài chính khác.

Năm 2009 cũng là năm BIDV tiếp tục thành công với chiến lược đa phương hóa trong hợp tác quốc tế với việc triển khai hiện diện thương mại đầu tư tại Campuchia trên cả ba lĩnh vực: Ngân hàng, Bảo hiểm và Đầu tư tài chính, sự kiện này đã đánh dấu sự mở rộng của BIDV trên toàn thị trường Đông Dương, dẫn dắt, định hướng và mở đường cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam xúc tiến đầu tư vào thị trường này với số vốn hàng tỷ USD. Đồng thời, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được Lãnh đạo Đảng, Chính phủ tin tưởng giao phó, BIDV đã gấp rút chuẩn bị những điều kiện cần thiết để triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư, hiện diện thương mại tại thị trường Myanmar.

Bên cạnh đó, BIDV tiếp tục mở rộng tìm kiếm đối tác qua các hoạt động xúc tiến đầu tư vào các thị trường mới như Pháp, LB Nga và CH Séc. Trong bối cảnh, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, BIDV vẫn được các tổ chức định tín nhiệm quốc tế như Standard&Poor's, Moody's,...đánh giá tốt và tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức khả quan. Bên cạnh đó, BIDV tiếp tục giành được sự tín nhiệm cao của các định chế tài chính quốc tế (WB, ADB, JBIC) trong quản lý, giải ngân các dự án Tài chính nông thôn, các nguồn vốn ODA và trong thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế.

Năm 2009, BIDV cũng đã khánh thành đưa vào hoạt động trụ sở làm việc mới BIDV Tower tại 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội, đồng thời lần đầu tiên công bố nhận diện thương hiệu mới đã góp phần bồi đắp giá trị thương hiệu uy tín của BIDV trong 53 năm xây dựng, phát triển và đồng hành cùng đất nước.

Bước sang năm 2010, kinh tế thế giới đang có những dấu hiệu hồi phục, đây thời điểm thuận lợi để các quốc gia đang phát triển đặt nền móng cho một hệ thống tài chính an toàn và ổn định hơn, cũng là tiền đề để xây dựng mức tăng trưởng kinh tế bền vững cho tương lai. Đây cũng là năm cả nước sẽ tập trung phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010. Để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển đã đề ra trong năm kế hoạch 2010 và cho cả giai đoạn 5 năm 2006-2010, năm nay BIDV sẽ tập trung vào một số nội dung trọng yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại toàn diện hoạt động của BIDV về tài sản nợ, tài sản có, nền khách hàng và các nguồn thu để đảm bảo tăng trưởng ổn định, vững

chắc, hiệu quả. Đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động theo quy định, đặc biệt là đảm bảo an toàn và thanh khoản của toàn hệ thống.

Thứ hai, hoàn thành đồng bộ, toàn diện tất cả các chỉ tiêu kế hoạch 2010 và kế hoạch 5 năm 2006-2010 đã đề ra và tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch chiến lược 5 năm 2011-2015, tầm nhìn đến 2020.

Thứ ba, tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ đặc biệt được Đảng và Chính phủ giao, trong đó đặc biệt là chú trọng phát triển, mở rộng hoạt động và nâng tầm ảnh hưởng của BIDV tại thị trường Đông Dương, thị trường Myanmar và các thị trường tiềm năng khác.

Thứ Tư, thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ công tác cổ phần hoá BIDV và các công ty trực thuộc BSC, BIC; chuyển đổi BIDV thành NHTMCP và hướng tới xây dựng tập đoàn tài chính - ngân hàng theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Thứ năm, tạo sự dịch chuyển quan trọng đưa BIDV trở thành ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ và thu dịch vụ ròng, đáp ứng cơ bản các yêu cầu theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế đối với các nội dung kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng vào năm 2012.

Với những kết quả BIDV đã đạt được trong năm qua, uy tín và vị thế mà BIDV tạo dựng được như ngày hôm nay là kết tinh từ trí tuệ, công sức của hàng vạn cán bộ nhân viên BIDV, từ sự tin tưởng và thủy chung gắn bó của hàng triệu khách hàng, bạn hàng, đối tác, từ sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự tạo điều kiện của các bộ ngành, cơ quan liên quan, với phương châm « Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công », nhất định chúng tôi - BIDV sẽ luôn đồng hành cùng quý vị để tiếp tục vượt qua thách thức và gặt hái được những thành công mới.

Trân trọng !



TRẦN BẮC HÀ
Chủ tịch HĐQT

THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Tên đầy đủ:	NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế:	Bank for Investment and Development of Viet Nam
Tên gọi tắt:	BIDV
Mã giao dịch SWIFT:	BIDVVNVX
Địa chỉ:	Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Slogan:	Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công
Chủ tịch HĐQT:	Trần Bắc Hà
Tổng Giám Đốc:	Trần Anh Tuấn
Điện thoại:	84-4 - 22205544 – Fax: 84-4-22.200.399
Website:	bidv.com.vn
Chủ sở hữu:	Chính Phủ Việt Nam (100%)
Chủ quản :	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Giấy phép đăng ký kinh doanh số:	0106000439
Mã số thuế:	0100150619
Thông tin xếp hạng 2009 do Moody's Investors Service Ltd thực hiện:	
Triển vọng:	Ổn định
Xếp hạng tiền gửi nội tệ/ngoại tệ:	Ba2/B1
Xếp hạng nhà phát hành:	Ba2
Xếp hạng tài chính độc lập:	E+
Công ty kiểm toán:	Ernst & Young
Tư vấn cổ phần hóa:	Morgan Stanley







GIẢI THƯỞNG

Năm 2009, những nỗ lực của BIDV trong việc bồi đắp và phát triển thương hiệu, những đóng góp với xã hội, cộng đồng đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng uy tín.

1. GIẢI THƯỞNG THƯƠNG HIỆU MẠNH 2009

Giải thưởng do Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương phối hợp với Thời báo kinh tế Việt Nam. Giải thưởng nhằm ghi nhận những nỗ lực xây dựng và phát triển hình ảnh thương hiệu của doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh cho thương hiệu quốc gia Việt Nam trên thương trường quốc tế.

Trong số 120 doanh nghiệp được trao giải, BIDV vinh dự nằm trong Top 20 doanh nghiệp dẫn đầu. Đây là lần thứ 4 BIDV tham gia và giành cúp vàng vinh dự này.

2. THƯƠNG HIỆU KINH TẾ ĐỐI NGOẠI UY TÍN

Giải thưởng do Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam tổ chức nhằm biểu dương những tập thể tiêu biểu trong hoạt động ngoại giao kinh tế, những thương hiệu mạnh, uy tín trong hoạt động kinh tế đối ngoại.

Ở vị trí doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam do UNDP xếp hạng, BIDV có thể mạnh và kinh nghiệm hợp tác quốc tế. Đến nay, BIDV đã có quan hệ đại lý, thanh toán với hơn 1000 ngân hàng trên toàn thế giới... Đánh giá khả năng và kinh nghiệm của BIDV trong thực hiện các dự án lớn, các định chế tài chính quốc tế như WB, ADB, JBIC, IMF, ECB và các chương trình tài trợ song phương đã tin nhiệm lựa chọn BIDV để ủy thác giải ngân các dự án ODA.

3. VỊ TRÍ THỨ 14 TRONG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2008, BIDV đứng vị trí thứ 35 trong Bảng xếp hạng VNR 500. Năm 2009 đã vươn lên vị trí thứ 14 và xếp vị trí thứ 02 trong số các ngân hàng lọt vào Bảng xếp hạng.

Thứ hạng doanh nghiệp trong Bảng xếp hạng được sắp xếp dựa trên tiêu chí doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản, tốc độ tăng trưởng, số lượng lao động.

4. NGÂN HÀNG NỘI ĐỊA CUNG ỨNG DỊCH VỤ FX TỐT NHẤT

BIDV đã nhận giải thưởng "Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ kinh doanh ngoại tệ (FX) tốt nhất năm 2009" - do các ngân hàng và định chế tài chính bình chọn trên tạp chí AsiaMoney. Đây là năm thứ 3 liên tiếp BIDV được bình chọn cho giải thưởng này. Kết quả này thể hiện sự đánh giá cao của các định chế tài chính trong và ngoài nước đối với quá trình thay đổi của BIDV để tiếp cận với chuẩn mực quốc tế về mô hình tổ chức, trình độ quản lý, và đặc biệt là hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ.



5. THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN

Năm 2009, BIDV đã nhận giải “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” dành cho sản phẩm trái phiếu và Danh hiệu “Tổ chức trung gian và hỗ trợ dịch vụ tiêu biểu” dành cho nhiệm vụ ngân hàng chỉ định và phục vụ thị trường. Giải thưởng do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB); Trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước (CIC); Tạp chí chứng khoán Việt Nam; Công ty chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) tổ chức.

6. DOANH NGHIỆP VÌ CỘNG ĐỒNG

Giải thưởng Doanh nghiệp Vì cộng đồng do Bộ Công thương, Hội nhà báo Việt Nam và Cục xúc tiến Thương mại tổ chức, lần đầu tiên được trao cho 82 doanh nghiệp có những đóng góp lớn với cộng đồng. BIDV là một trong 40 doanh nghiệp đoạt giải thưởng trong nhóm TOP1 - nhóm các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc nhất.

Trong những năm qua, BIDV đã hưởng ứng và chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả nhiều chương trình, chính sách xã hội đối với cộng đồng bên cạnh việc đảm bảo tốt chính sách, chế độ cho hơn 1,4 vạn cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống.

7. BẰNG KHEN VÌ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO

Đây là lần thứ 2 BIDV được nhận bằng khen vì sự nghiệp giáo dục – đào tạo do Bộ GD-ĐT tổ chức.

Từ nhiều năm nay, BIDV thường xuyên dành khoảng 60% trong tổng nguồn hỗ trợ cộng đồng để tài trợ cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại các vùng nghèo. Trong năm 2009 – 2010, BIDV dành ra khoảng 130 tỷ để hỗ trợ công tác giáo dục.

8. BẢNG VÀNG THĂNG LONG - DOANH NGHIỆP VĂN HOÁ

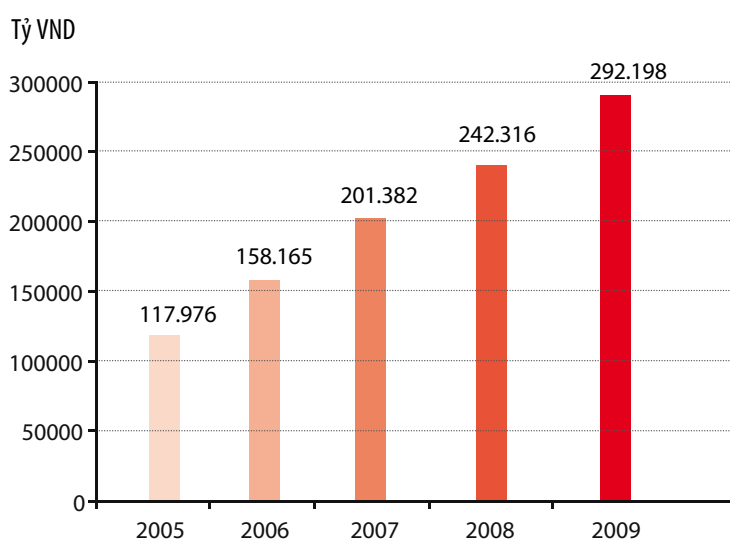
Chương trình xét trao Bảng vàng Thăng Long - Doanh nghiệp văn hoá do Hiệp hội UNESCO Hà Nội - Liên hiệp các hội UNESCO Việt Nam lần đầu tiên tổ chức đúng vào dịp Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Chương trình xét chọn trên các tiêu chí: Kết quả thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; Tính bền vững trong các hoạt động của tổ chức doanh nghiệp; Tính điển hình về phong cách văn hoá của doanh nghiệp...

BIDV là một trong 20 doanh nghiệp tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội được trao Bảng vàng Thăng Long - Doanh nghiệp văn hoá.

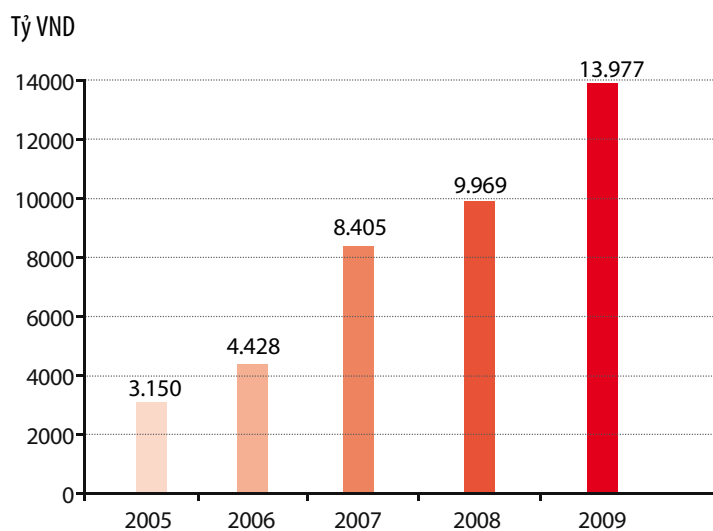
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (2005-2009)

(Theo báo cáo hợp nhất chuẩn mực quốc tế)

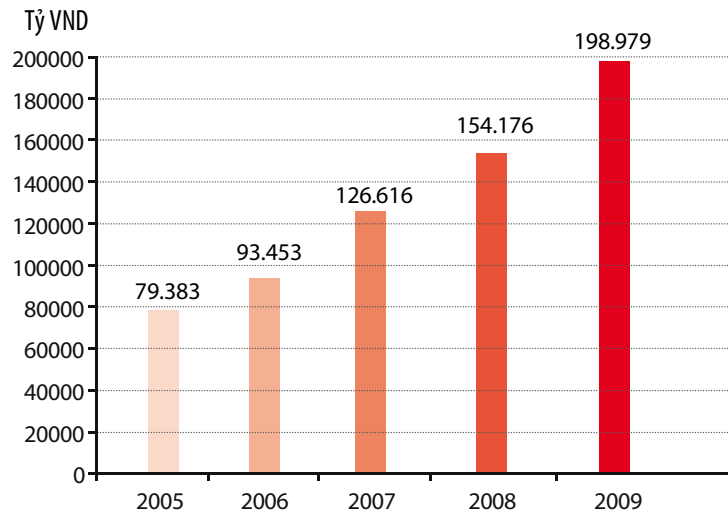
TỔNG TÀI SẢN



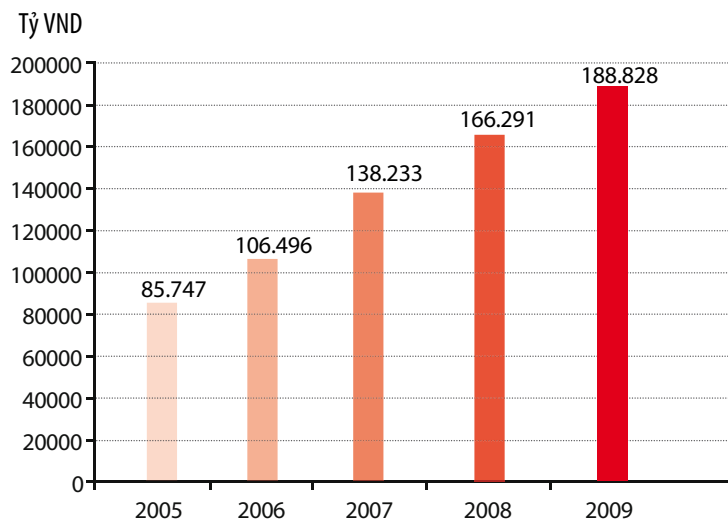
VỐN CHỦ SỞ HỮU



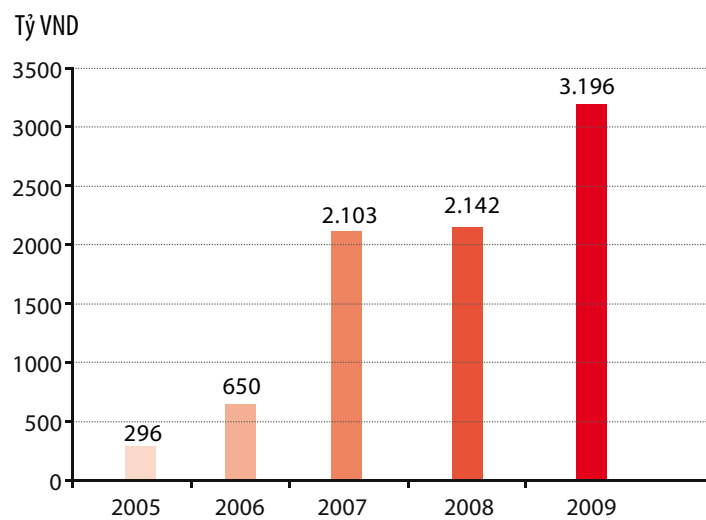
❶ CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG RÒNG

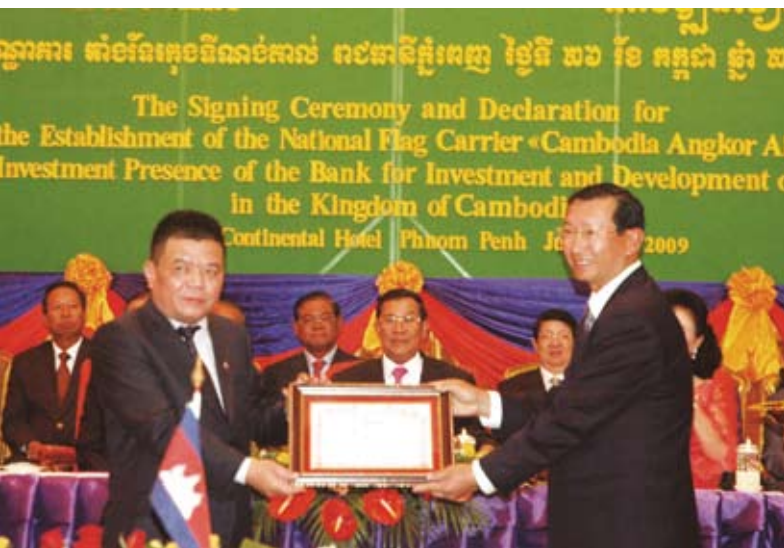


❷ TIỀN GỬI VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG



❸ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ





10 KẾT QUẢ NỔI BẬT

Những thành tích này đã góp phần gìn giữ niềm tin yêu với thương hiệu BIDV – một thương hiệu có bề dày 53 năm đồng hành cùng đất nước.

1. THỰC HIỆN HIỆU QUẢ “GÓI KÍCH CẦU KINH TẾ”, TUÂN THỦ CHÍNH SÁCH TIẾN TỆ LINH HOẠT, HỢP LỰC VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Chủ động và tích cực thực hiện “gói kích cầu kinh tế” của Chính phủ, cho vay hỗ trợ lãi suất; Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp kiểm soát tăng trưởng tín dụng, quản lý nguồn vốn ngoại hối, điều hành lãi suất theo đúng các chương trình, nghị quyết của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, giúp doanh nghiệp từng bước vượt qua khó khăn, góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội.

2. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ

Đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, BIDV đã hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh: đến 31/12/2009, Tổng tài sản đạt 292.198 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 194.157 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 3.196 tỷ đồng; hệ số CAR theo chuẩn quốc tế là 7,55%; chuẩn Việt Nam là 9,53%; ROA: 0,94%; ROE: 21,05% đạt chuẩn quốc tế.

3. DẤU ẤN CAMPUCHIA

Với việc xác lập hiện diện đầu tư thương mại ở các lĩnh vực: Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư tài chính, văn phòng đại diện và tham gia tổ chức thành công hội nghị xúc tiến đầu tư vào Campuchia, BIDV đã được tín nhiệm bầu là Chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư vào Campuchia. Sự kiện này đồng thời đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh của BIDV tại thị trường Đông Dương.

4. TIẾP TỤC THÀNH CÔNG VỚI CHIẾN LƯỢC ĐA PHƯƠNG HÓA TRONG HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Là sự lựa chọn của các định chế tài chính quốc tế như Worldbank, ADB trong quản lý, giải ngân các dự án Tài chính nông thôn, các nguồn vốn ODA và trong thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng quốc tế... Thiết lập hoạt động Ngân hàng Liên doanh Việt Nga (VRB) tại Matxcova, tăng cường hợp tác, mở rộng liên kết liên doanh với các định chế tài chính lớn tại các thị trường khác.



5. VẬN HÀNH TỐT MÔ HÌNH TỔ CHỨC MỚI HƯỚNG TỚI NGÂN HÀNG BÁN LẺ HIỆN ĐẠI

Hiện thực hóa tính ưu việt của mô hình ngân hàng bán lẻ chuẩn mực và hiện đại, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng: ra mắt thẻ quốc tế Visa Precious, Visa Flexi đánh dấu bước phát triển mới trong sự chuyển đổi hoạt động kinh doanh ngân hàng một cách toàn diện trên cả hai nhóm khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

6. TIẾP TỤC HOÀN CHỈNH HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM; KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA BIDV TRÊN CÁC LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN, BẢO HIỂM...

Với 19 chi nhánh và 108 đại lý Bảo hiểm trên toàn quốc cùng 2 công ty liên doanh tại Lào và Campuchia, BIDV đã từng bước khẳng định thị phần bảo hiểm trên toàn khu vực Đông Dương. Công ty chứng khoán BSC, Công ty cho thuê tài chính 1,2... đã khẳng định trở lại vị thế trên các lĩnh vực hoạt động. Khởi công xây dựng Dự án Đường Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận theo đúng chỉ đạo của Chính phủ...

7. TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ TÍCH CỰC TRONG MÔ HÌNH "3 NHÀ + 1" TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Tiếp tục vai trò cầu nối, dẫn dắt đầu tư vào các địa phương còn khó khăn trong nước như: Nghệ An, Tây Nguyên, Lạng Sơn, Cần Thơ, Trà Vinh, Hậu Giang, Quảng Ngãi, Gia Lai... và chú trọng đẩy mạnh có kết quả các hoạt động xúc tiến đầu tư ở các thị trường ngoài nước

như Nga, Campuchia, Lào ...

8. DOANH NGHIỆP VÌ CỘNG ĐỒNG

Chủ động xây dựng đề án hỗ trợ giảm nghèo và vì cộng đồng, nhận hỗ trợ 5/62 huyện nghèo của cả nước xóa hơn 10.000 nhà tạm và hàng trăm dự án hỗ trợ y tế, giáo dục, khắc phục thiên tai... Tiếp tục giữ vai trò hạt nhân trong cộng đồng doanh nghiệp vận động ủng hộ các nước Cuba, Campuchia, Lào...

9. GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI NGÂN HÀNG BẰNG CÁC CƠ CHẾ ĐỘNG LỰC HIỆU QUẢ

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, triển khai các dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ nhân viên, xây dựng các cơ chế động lực trong kinh doanh. Đặc biệt, có nhiều hình thức tôn vinh người lao động giỏi thông qua các cuộc thi nghiệp vụ như Kiểm ngân, Giao dịch viên toàn hệ thống.

10. BỒI ĐÁP GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU UY TÍN

Đưa vào hoạt động tòa tháp thông minh BIDV Tower – 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Lần đầu tiên công bố bộ nhận diện thương hiệu mới. BIDV tiếp tục được cộng đồng ghi nhận bằng nhiều giải thưởng có giá trị.

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng Quản trị:



1. ÔNG TRẦN BẮC HÀ - CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Hà đã cống hiến cho NHĐT& PTVN (BIDV) gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV vào tháng 2 năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng như Phó giám đốc chi nhánh Nghĩa Bình, Phó giám đốc chi nhánh Bình Định, Giám đốc chi nhánh Bình Định. Tháng 10 năm 1999, ông Hà được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc của BIDV, bốn năm sau đó ông được đề bạt làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của BIDV. Tháng 01 năm 2008, ông Hà được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT của BIDV.

Ngoài ra, ông Hà hiện kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia.

Bên cạnh trọng trách chính là Chủ tịch HĐQT của BIDV, ông Hà còn được Chính Phủ Việt Nam đề cử giữ một số chức vụ trong các tổ chức như Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN của Việt Nam (ASEAN BAC) (từ tháng 03/2006). Chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Mianma (AVIM), Chủ tịch Hiệp Hội các nhà đầu tư sang Campuchia (AVIC), Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Trung.

2. ÔNG NGUYỄN TRUNG HIẾU - ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HĐQT

Ông Hiếu công tác trong ngành Ngân hàng được gần 34 năm. Ông Hiếu bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm tháng 11 năm 1976. Tháng 10/1991, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Nam – Đà Nẵng, tháng 12/1996, Ông là Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng.

Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1997. Từ tháng 06/2007, Ông được bổ nhiệm Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BIDV. Và từ tháng 09/2008 đến nay là Ủy viên HĐQT BIDV.

Ngoài ra, ông Hiếu còn kiêm các chức vụ như: Ủy viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV và Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính I (Leasing I) BIDV.

3. ÔNG TRẦN ANH TUẤN - ỦY VIÊN HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC

Ông Tuấn đã cống hiến cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) gần 30 năm, Ông Tuấn bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai (Gia Lai-Kon Tum) từ tháng 7/1989. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1998 và được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng Quản trị BIDV từ tháng 10/2006, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 01/2008.

4. ÔNG LÊ VIỆT CƯỜNG - ỦY VIÊN HĐQT

Ông Cường công tác trong ngành ngân hàng được gần 40 năm, từ tháng 5 năm 1972 đến nay. Trước khi được đề bạt là Ủy viên HĐQT BIDV từ tháng 01/2007, ông Cường đã có thời gian công tác tại một số cơ quan như: Trưởng trung học ngân hàng Bắc Thái - Sơn Tây, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đã qua một số chức vụ như: Trưởng phòng thư ký, Phó Văn phòng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ngoài ra, hiện nay Ông Cường cũng kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần chế tạo tàu và dàn khoan dầu khí, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần tài chính điện lực.

5. ÔNG NGUYỄN VĂN PHẨM - ỦY VIÊN HĐQT

Ông Phẩm công tác trong ngành Ngân hàng được gần 40 năm. Ông Phẩm bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992. Trước khi vào làm việc tại BIDV, ông Phẩm đã có hơn 10 năm làm việc tại các vị trí khác nhau tại Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Đắk Lắk như: Chánh thanh tra (10/1989-06/1991), Phó Giám đốc kiêm Chánh thanh tra (07/1991-04/1992).

Khi về công tác tại BIDV, Ông Phẩm từng giữ các chức vụ như: Giám đốc chi nhánh BIDV Đắk Lắk (từ 05/1992 – 01/1997), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV (từ 02/1997 – 09/1999). Ông Phẩm được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ 08/2002 - 11/2006. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Phẩm là Ủy viên HĐQT BIDV, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NH Liên doanh Việt – Nga (VRB).

Ngoài ra, Ông Phẩm cũng đã từng kiêm Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng VN.

6. ÔNG NGUYỄN KHẮC THÂN - ỦY VIÊN HĐQT

Ông Thân công tác trong lĩnh vực ngân hàng được hơn 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV năm 1979. Ông Thân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Tháng 09/2008 ông Thân được bổ nhiệm là UVHĐQT BIDV.

Ông Thân đã từng giữ các chức vụ như: Phó Giám đốc BIDV Bắc Ninh (từ 01/1990-07/1991 và từ 09/1992 - 10/1999), Giám đốc NHNN Bắc Ninh (11/1999 – 06/2002), Phó Giám đốc Sở giao dịch (I) BIDV (07/2002-10/2002), Quyền Giám đốc Sở giao dịch (I) BIDV (11/2002-04/2003), Giám đốc Sở giao dịch BIDV (05/2003-04/2005).

Ngoài ra, hiện nay Ông Thân kiêm Chủ tịch Công ty chứng khoán BIDV, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV- Partner (BVIM).

7. ÔNG NGUYỄN HUY TỰA - ỦY VIÊN HĐQT KIỂM TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ông Tựa công tác trong lĩnh vực ngân hàng được gần 26 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1984. Ông Tựa được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị từ tháng 10/2006. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Tựa là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng ban Kiểm soát BIDV.

Ông đã từng giữ các chức vụ tại BIDV như: Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long từ tháng 12/1993 đến tháng 12/1996, Phó Giám đốc Sở giao dịch I từ tháng 12/1996 đến tháng 8/1997, Trưởng phòng (tương đương Giám đốc Ban) Tín dụng 1 BIDV từ tháng 8/1997 đến tháng 8/2002, Giám đốc Ban Quản lý tín dụng từ tháng 8/2002 đến tháng 3/2005, Giám đốc Sở giao dịch III của BIDV từ tháng 3/2005 đến tháng 12/2006.

Ngoài ra, hiện nay ông Tựa kiêm Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng VN, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện dầu khí Nhơn Trạch, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh địa ốc Đà Lạt - BIDV, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Điện Việt Lào.

Ban Tổng giám đốc:



1.ÔNG TRẦN ANH TUẤN - UỶ VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Xem thông tin trang 18

2.BÀ PHAN THỊ CHINH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Chinh công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam gần 20 năm. Bà Chinh bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1991, được đề bạt chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính từ tháng 03/2003, Giám đốc Ban Tài chính từ tháng 08/2004. Bà Chinh được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 06/2007.

Hiện nay, Bà Chinh cũng kiêm UV HĐQT Công ty LD Tháp BIDV từ tháng 10/2005.

3.ÔNG HOÀNG HUY HÀ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hà công tác trong ngân hàng được hơn 30 năm. Trước khi vào làm việc tại BIDV năm 1986, ông đã có hơn 10 năm làm việc tại các vị trí khác nhau tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Sông Bé. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002.

Ông đã từng giữ các chức vụ tại BIDV như: Giám đốc chi nhánh BIDV Sông Bé (từ 07/1996 – 12/1996), Giám đốc chi nhánh BIDV Bình Dương (từ 01/1997 – 10/1999), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV (từ 11/1999 – 06/2002).

Hiện nay, Ông Hà kiêm Phó CT HĐQT Công ty CP Bắc Thăng Long, Ủy viên HĐQT VCCI. Ngoài ra, Ông cũng từng kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC).

4.ÔNG LÊ VĂN LỘC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lộc công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được gần 35 năm. Ông Lộc bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1975. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002.

Ông đã từng giữ các chức vụ trong ngành ngân hàng như: Giám đốc chi nhánh BIDV Thanh Hóa (từ 7/1995 – 12/1996), Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Thanh Hoá (01/97-11/2000), Phó Giám đốc Sở Giao dịch I của BIDV (từ 12/2000 – 6/2001), Giám đốc Sở Giao dịch I (từ 7/2001- 06/2002).

Ngoài ra, hiện nay Ông Lộc cũng kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Sa Pa, Ủy viên HĐQT Công ty CP Tài chính Vinaconex.

5.ÔNG LÊ ĐÀO NGUYÊN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyên công tác tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam gần 27 năm. Ông bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983. Tháng 10/1990, ông được bổ nhiệm là Phó Trưởng Phòng Thẩm định của BIDV (tương đương Phó Giám đốc Ban), tháng 03/1994 là Trưởng Phòng Bảo lãnh (tương đương Giám đốc Ban). Đến tháng 4/1997, ông Nguyên được bổ nhiệm Giám đốc Sở giao dịch (I) BIDV. Tháng 7/1998 Ông Nguyên được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV.

Hiện nay, Ông cũng kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư tài chính BIDV, UV HĐQT công ty chuyển mạch tài chính quốc gia (Banknet) và là thành viên của Hội đồng quản trị Hiệp hội



các định chế tài chính Châu Á Thái Bình Dương (ADFIAP) từ năm 2002 đến nay. Ngoài ra, Ông đã từng kiêm Phó Chủ tịch/Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt (LVB).

6.ÔNG TRẦN QUÝ TRUNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trung công tác trong ngành ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1980. Tháng 04/1997, Ông Trung được đề bạt là Trưởng phòng bảo lãnh BIDV (tương đương Giám đốc Ban). Từ tháng 11/1999 Trưởng phòng (tương đương Giám đốc Ban)/ Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV. Ông Trung được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004.

Hiện nay, Ông cũng kiêm UV HĐQT NH LD Vid public, Ủy viên Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

7.ÔNG PHAN ĐỨC TÚ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Tú công tác trong ngành ngân hàng được hơn 25 năm, Ông bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1983. Tháng 02/1994 Ông Tú được bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Ngãi, tháng 11/1998 là Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Ngãi, tháng 03/2005 là Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV. Tháng 06 năm 2007 ông Tú được bổ nhiệm là Phó Tổng giám đốc của BIDV.

Hiện nay, Ông cũng kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt, Ủy

viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển Campuchia(IDCC).

8.ÔNG TRẦN THANH VÂN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Vân công tác trong ngành ngân hàng được hơn 25 năm, Ông Vân bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983. Tháng 10/1991 Ông Vân được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư Xây dựng tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, tháng 04/2004 Giám đốc Chi nhánh BIDV Đà Nẵng. Ông Vân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 09/2008.

Hiện nay, Ông Vân kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển đường cao tốc BIDV, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng ĐT&PT Campuchia, Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần thương mại và cảng biển Vũng Áng, Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển Campuchia (IDCC), Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê.

9. BÀ NGÔ THỊ ẤT: KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Ất công tác trong ngành ngân hàng được hơn 30 năm. Bà Ất đã làm việc tại BIDV từ năm 1978. Từ năm 1996 – 2002, Bà Ất là Phó giám đốc Sở giao dịch I. Năm 2003 -2004, bà là Giám đốc Ban Tài chính kế toán, Ban Kế Toán. Từ năm 2005 đến nay, bà được bổ nhiệm là Kế toán trưởng BIDV.

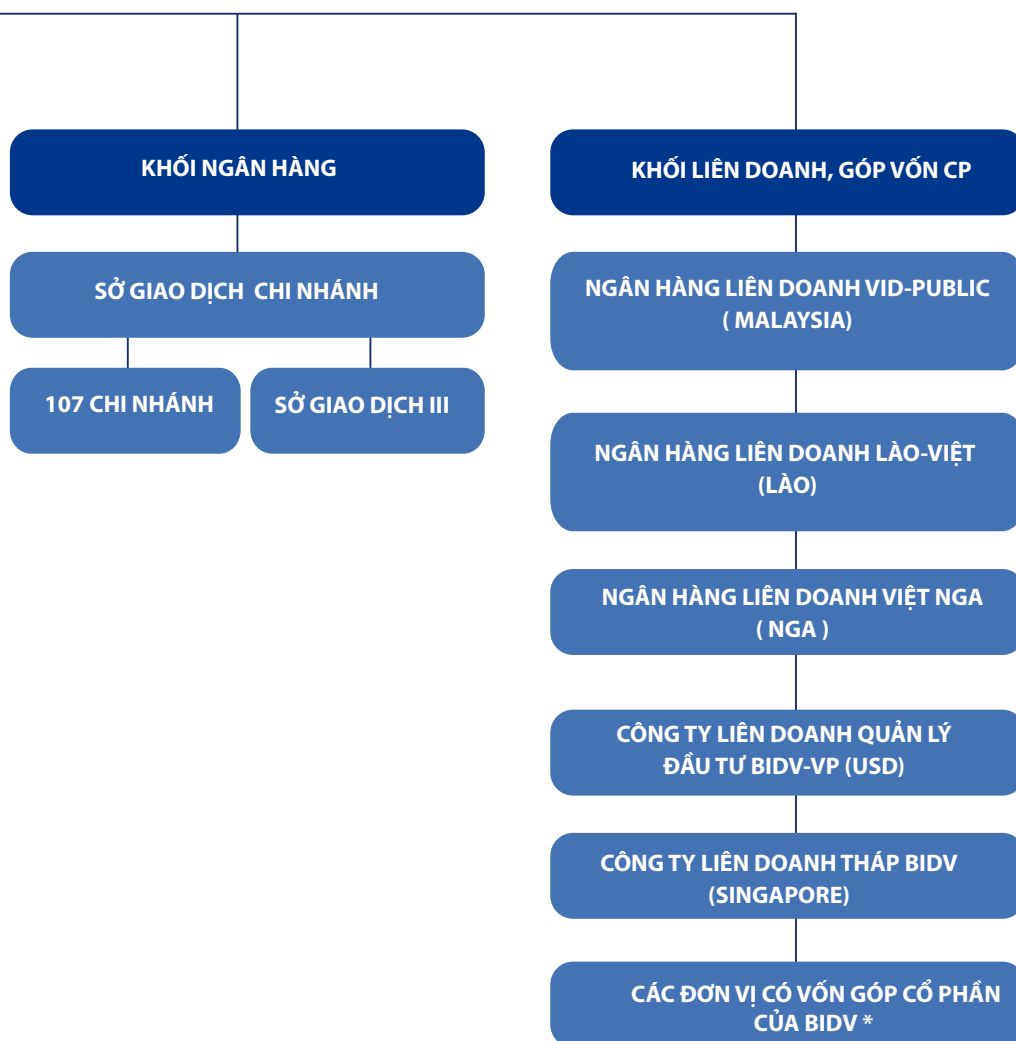
BIDV



**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
2009

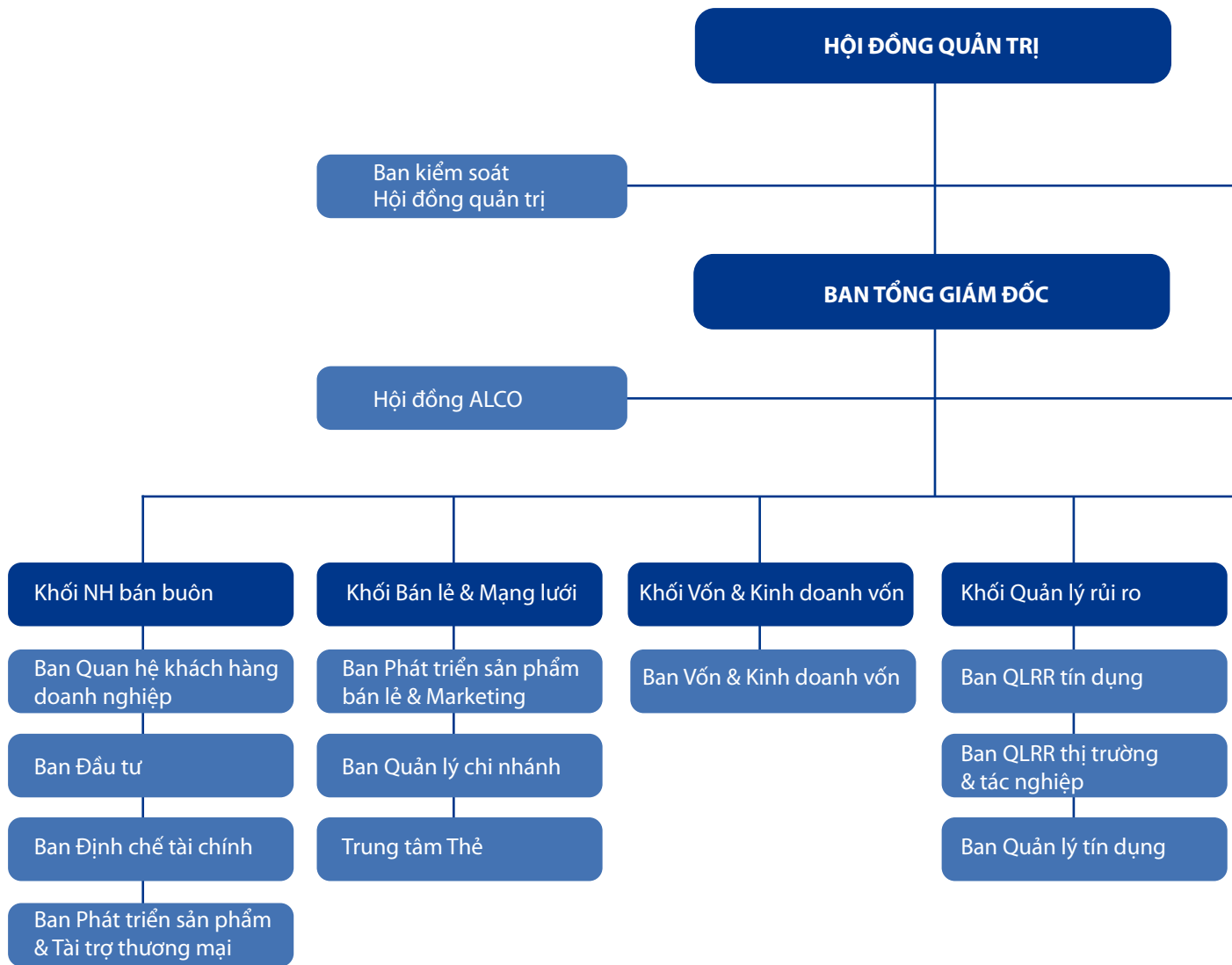
MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG BIDV

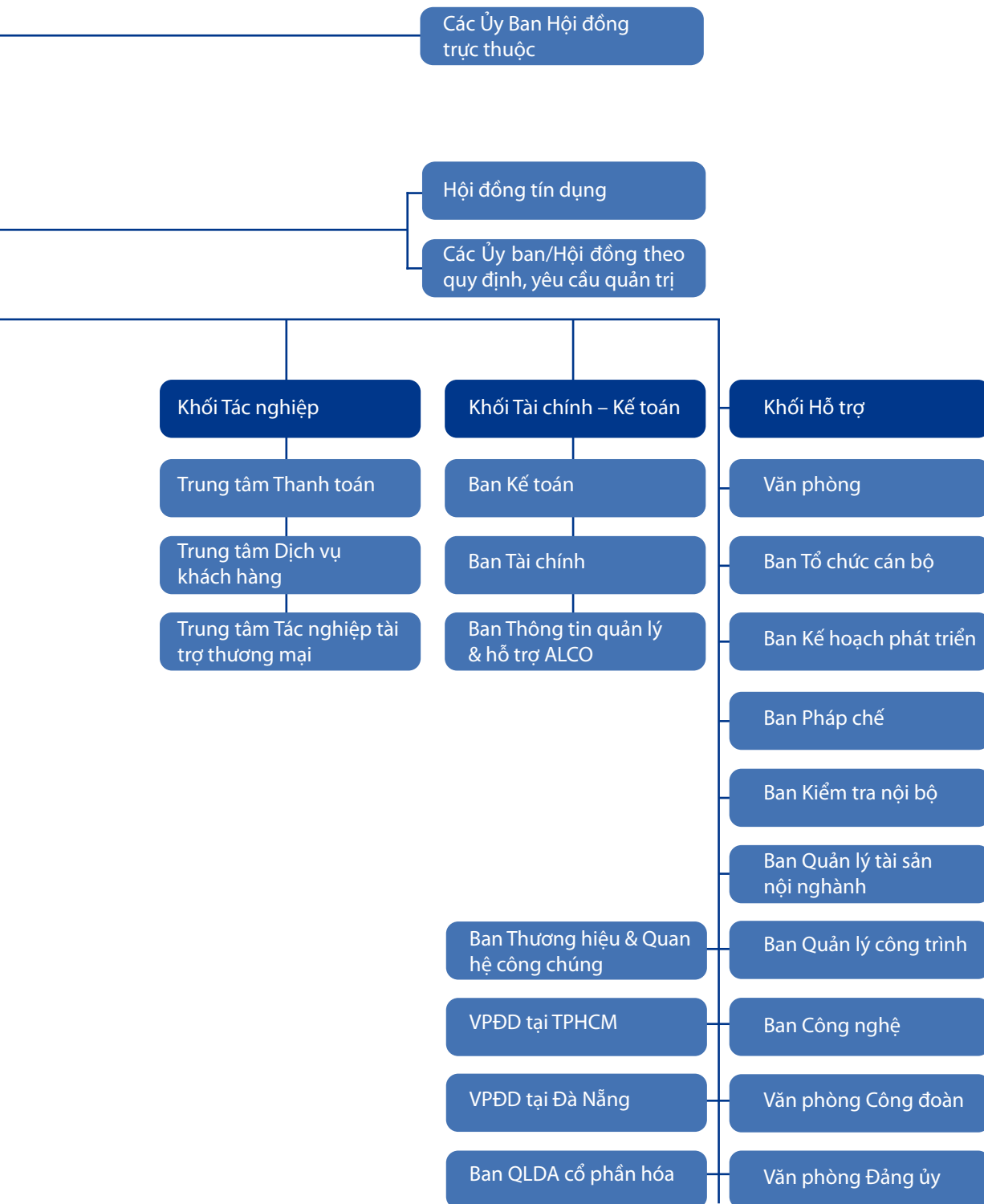




*Các công ty do BIDV là cổ đồng sáng lập hoặc nắm cổ phần chi phối như: Công ty CP cho thuê máy bay (VALC), Công ty Đầu tư Phát triển Campuchia (IDCC), Ngân hàng Đầu tư Phát triển (BIDC), Công ty bảo hiểm (CVI), Công ty CP phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC), Công ty Đầu tư tài chính (BFI).

MÔ HÌNH TỔ CHỨC TRỤ SỞ CHÍNH





PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

BIDV tiếp tục khẳng định sự lớn mạnh bằng việc mở rộng mạng lưới hoạt động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Tiếp tục thực hiện đề án phát triển mạng lưới giai đoạn 2007-2010, trong năm 2009, BIDV không thực hiện mở thêm chi nhánh, mở mới đi vào hoạt động 51 phòng giao dịch, thực hiện sắp xếp mạng lưới chi nhánh, điểm giao dịch theo quy định tại quyết định 13/QĐ-NHNN, đến nay BIDV đã thực hiện đổi tên đối với Sở giao dịch 1 và Sở giao dịch 2 thành Chi nhánh Sở giao dịch 1 và Chi nhánh Sở giao dịch 2, giữ nguyên tên gọi đối với Sở giao dịch 3, mạng lưới BIDV hiện không còn điểm giao dịch. Đến cuối năm 2009, tổng số chi nhánh của BIDV là 108 chi nhánh (bao gồm cả Sở giao dịch 3), 312 Phòng giao dịch, 109 Quỹ tiết kiệm. Theo kế hoạch năm 2010, BIDV sẽ tiếp tục mở 12 chi nhánh hỗn hợp, tập trung ở 02 địa bàn trọng điểm là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (một số địa bàn khác như: Đồng Nai, Hậu Giang, Hưng Yên, Gia Lai, Bình Dương...), tiếp tục sắp xếp củng cố mạng lưới Phòng giao dịch, dự kiến đến cuối năm 2010 nâng tổng số chi nhánh lên 120 chi nhánh và phòng giao dịch lên 483 Phòng giao dịch.

Điểm nổi bật trong công tác phát triển mạng lưới đó là BIDV đã thực hiện có trọng tâm, trọng điểm chủ yếu tập trung tại 02 khu vực Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (chiếm trên 50% tỷ trọng mạng lưới của toàn hệ thống). Tạo được hệ thống mạng lưới rộng khắp 63 tỉnh/thành phố, phủ kín các khu dân cư tập trung, các đô thị lớn và trung tâm thương mại, tài chính trên toàn quốc. Hình thành mạng lưới Phòng giao dịch/QTK hỗ trợ bán sản phẩm bán lẻ, làm tiền đề cho việc phát triển ngân hàng bán lẻ của BIDV giai đoạn 2009 - 2012. Bên cạnh đó, năm 2009, BIDV cũng đang thực hiện sắp xếp, phân loại mạng lưới các phòng giao dịch, trên cơ sở rà soát, đánh giá hiệu quả, tiềm năng phát triển.

Đối với mạng lưới kênh phân phối hiện đại, BIDV tăng số lượng ATM lên con số gần 1.000 máy và 1.000 điểm POS, đứng thứ 4 trong hệ thống ngân hàng thương mại về hệ thống kênh phân phối hiện đại, là một trong hai ngân hàng có mạng lưới kênh phân phối phủ khắp trên địa bàn 63 tỉnh/thành phố. Trong năm 2010, BIDV dự kiến sẽ triển khai mua sắm thêm 300 máy, nâng tổng số máy ATM của hệ thống lên con số gần 1.300 máy, chiếm lĩnh thị phần hoạt động thẻ. Trong năm 2009, BIDV cũng mở rộng kết nối qua Banknet với 04 ngân hàng, nâng tổng số ngân hàng kết nối thanh toán với BIDV qua Banknet lên 16 ngân hàng. Bên cạnh đó BIDV cũng đã không ngừng phát triển các sản phẩm mới ứng dụng trên ATM như: Thanh toán tiền hoá đơn điện thoại, hoá đơn điện, hoá đơn nước, đặc biệt năm 2009 đánh dấu thời điểm quan trọng khi BIDV triển khai phát hành thẻ VISA rộng khắp.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Để đảm bảo lực lượng cán bộ ứng yêu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới kinh doanh, yêu cầu của việc cơ cấu lại tổ chức hệ thống, BIDV đã chú trọng bố trí, bổ sung đủ cán bộ ở các vị trí, các bộ phận. Đến cuối năm 2009, tổng số lao động của BIDV là 14.550 người, trong đó tại Trụ sở chính là 1.088 người, các đơn vị thành viên là 13.472 người.

Cùng với việc trẻ hóa cán bộ (tuổi đời bình quân năm 2009 là 32,7 (năm 2008 là 33) và có 56,1% cán bộ dưới 30 tuổi), đội ngũ cán bộ BIDV năm qua cũng có tiến bộ đáng kể trên cả 02 bình diện: Bằng cấp và năng lực thực tế. Số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học đạt 84,3%, tăng 2,1% so với năm 2008. Bên cạnh đó, khả năng quản trị điều hành, khả năng nắm bắt công nghệ ngân hàng hiện đại, khả năng thích ứng và hoạt động trong thị trường cạnh tranh đã được cải thiện rõ rệt.

Về công tác tuyển dụng BIDV đã đưa ra các định hướng, chính sách đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng. Năm 2009, toàn hệ thống đã tuyển dụng được 1.400 cán bộ trẻ có trình độ năng lực phẩm chất đáp ứng yêu cầu giai đoạn phát triển mới. Việc tuyển dụng tập trung cho địa bàn Hà Nội tiếp tục được thực hiện; đồng thời BIDV mở rộng công tác tuyển dụng tập trung cho các đơn vị trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và các đơn vị lân cận Hà Nội và TP HCM; Bên cạnh đó BIDV tiếp tục thực hiện tuyển dụng lao động theo vị trí, chức danh công việc để bổ sung cán bộ cho một số đơn vị tại Trụ sở chính (50 người), thí điểm tuyển dụng theo hình thức cộng tác viên cho Trung tâm thẻ. Công tác tuyển dụng được thực hiện minh bạch, công khai, bài bản, chặt chẽ, đảm bảo nâng cao chất lượng cán bộ, tìm kiếm, thu hút những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ; vì vậy các ứng viên trúng tuyển có trình độ cơ bản rất tốt, là nền tảng quan trọng trong việc phát triển sau này của BIDV.

Song song với Công tác tuyển dụng, công tác đào tạo cũng đã có những đổi mới quan trọng, nội dung và

chương trình đào tạo đã tiến sát hơn với yêu cầu của vị trí cán bộ cần đào tạo nhằm nâng cao năng lực trình độ đội ngũ cán bộ. Trong năm 2009, BIDV đã tổ chức được 218 khóa, với tổng số 14.676 lượt cán bộ, trong đó các nội dung đào tạo trọng tâm gồm: Quản trị điều hành ngân hàng cấp trung và cơ sở; kỹ năng nghiệp vụ trong đó tập trung đào tạo kỹ năng về nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ và đào tạo các nội dung chuyển đổi khác theo mô hình TA2); đồng thời đã cử 665 lượt cán bộ đi đào tạo và tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo do các cơ sở đào tạo, đối tác bên ngoài tổ chức.

Về công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: những năm gần đây công tác quy hoạch, bổ nhiệm/bổ nhiệm lại cán bộ đã được Ban lãnh đạo BIDV đặc biệt quan tâm và chỉ đạo triển khai chu đáo, chặt chẽ; đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định từ khâu quy hoạch, bồi dưỡng đào tạo sau quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, mệnh lệnh tin tưởng giao nhiệm vụ cho cán bộ trẻ nên đến nay cán bộ lãnh đạo các cấp BIDV đã đáp ứng tương đối về số lượng và từng bước đảm bảo về chất lượng phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành trong hệ thống. Năm 2009 đã bổ nhiệm lại/bổ nhiệm mới 116 lượt lãnh đạo đơn vị thành viên và trên 23 lượt cán bộ lãnh đạo Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính.

Về đãi ngộ và khen thưởng: BIDV thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động, khuyến khích các đơn vị thành viên tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; về cơ chế phân phối tiền lương bước đầu đã đáp ứng một phần việc trả lương cho cán bộ phù hợp hơn với mức độ cống hiến của từng tập thể, cá nhân. Những năm qua, BIDV luôn đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động năm sau cao hơn năm trước. Bên cạnh chế độ đãi ngộ đối với người lao động, hàng năm BIDV tổ chức bình xét, tôn vinh và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân xuất sắc đóng góp tích cực cho các hoạt động toàn hệ thống.

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Năm 2009 là một năm có nhiều chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động công nghệ thông tin (CNTT) của BIDV. Diện mạo CNTT của BIDV đã có nhiều thay đổi, từng bước xác lập vị thế vững mạnh trong khối các Ngân hàng lớn của Việt Nam cũng như trong khu vực.

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2009, BIDV đã xây dựng chiến lược Công nghệ thông tin (CNTT) giai đoạn 2009-2015 và tầm nhìn 2020 theo nguyên tắc chiến lược CNTT phù hợp, bao gồm kế hoạch đề xuất, triển khai, vận hành, khai thác, duy trì các hệ thống CNTT nhằm phục vụ cho việc đạt được các mục tiêu của chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của BIDV và phục vụ trực tiếp cho quá trình cổ phần hóa.

Kế hoạch CNTT tiếp tục được xây dựng trên cơ sở cụ thể hoá chiến lược CNTT, căn cứ phân tích tổng hợp nhu cầu cũng như khả năng đáp ứng cụ thể của từng thời kỳ và tổ chức triển khai thực hiện ngày càng bài bản, khoa học.

TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN CNTT GẮN VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Dự án Hiện đại hoá Ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 2 (Dự án WB2)

Đây là dự án được tài trợ bởi nguồn vốn vay ODA từ Ngân hàng Thế giới. Dự án WB2 bao gồm nhiều cấu phần tập trung các mảng: Củng cố tăng cường mức độ an toàn, tăng tính dự phòng của hệ thống CNTT; Phát triển sản phẩm dịch vụ và các kênh phân phối ngân hàng hiện đại như Internet Banking và Mobile Banking; Tăng cường tính bảo mật an toàn hệ thống CNTT đảm bảo kinh doanh liên tục, ổn định; Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, khai thác các ứng dụng của ngân hàng hiện đại.

BIDV đã thay đổi cơ cấu đầu tư về CNTT, trong đó tập trung đầu tư nhiều hơn cho các hệ thống ứng dụng để phát triển, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ và kênh phân phối ngân hàng, phục vụ hoạt động ngân hàng bán lẻ với mục tiêu đưa BIDV trở thành ngân hàng hàng đầu về dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong các năm tới. Đồng thời BIDV vẫn tiếp tục đầu tư để củng cố hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực CNTT.

Các dự án CNTT của BIDV hướng đến các cấu phần chủ yếu như: Phát triển sản phẩm dịch vụ, đa dạng hoá các kênh phân phối; Hỗ trợ hoạt động



kinh doanh; Tăng cường quản trị điều hành và hoạt động của BIDV; Chú trọng quản lý rủi ro, tăng cường an ninh bảo mật.

Dự án Internet Banking và Mobile Banking

Dự án Internet Banking và Mobile Banking đang được khẩn trương triển khai thực hiện và sẽ cung cấp cho khách hàng các tiện ích và dịch vụ tiện lợi như: Vấn tin các loại tài khoản; Thực hiện các giao dịch chuyển khoản, chuyển tiền, thanh toán khoản vay, thanh toán thẻ tín dụng, thanh toán hóa đơn...; Đăng ký trực tuyến sử dụng các dịch vụ đa dạng (thanh toán séc, mở thư tín dụng, tăng hạn mức tín dụng, giải ngân tiền vay...); Tra cứu và tham khảo trực tuyến các thông tin khác như tỷ giá, lãi suất, sản phẩm dịch vụ... Khách hàng có thể sử dụng tất cả các dịch vụ trên một cách nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm thông qua mạng Internet và thiết bị truy cập như máy tính hoặc điện thoại di động. Hệ thống Internet Banking và Mobile Banking sẽ là kênh phân phối hiện đại, hiệu quả còn bởi được đảm bảo an toàn nhờ áp dụng các biện pháp mã hoá bảo vệ dữ liệu giao dịch và tăng cường bảo mật bằng xác thực 2 yếu tố.

Dự án trọng điểm khác

Khẩn trương triển khai các dự án tư vấn và xúc tiến các dự án triển khai hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) và hệ thống Trung tâm liên lạc khách hàng (Contact Center) để tăng cường việc quản lý, phục vụ khách hàng một cách chuyên nghiệp. BIDV cũng đang tiếp tục triển khai dự án tư vấn xây dựng hệ thống thông tin quản lý (MIS), xúc tiến xây dựng hệ thống cổng thông tin nội bộ (KM) phục vụ việc chia sẻ, phổ biến tri thức công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đồng thời xúc tiến việc xây

dựng và củng cố các hệ thống CNTT phục vụ quản lý rủi ro như các chương trình phòng chống rửa tiền, quản lý rủi ro tác nghiệp, thông tin tín dụng. Lĩnh vực an ninh bảo mật được hết sức chú trọng với các dự án xây dựng PKI, xác thực 2 yếu tố, tăng cường an ninh mạng ... theo thông lệ khu vực và chuẩn mực quốc tế.

Hiện đại hóa hệ thống CNTT cho các công ty thành viên cũng được BIDV quan tâm với các dự án hệ thống quản lý nghiệp vụ cho thuê tài chính, dự hệ thống CNTT phục vụ hoạt động của Công ty Chứng khoán BIDV (BSC), Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)... Ngoài ra, BIDV cũng chú trọng mở rộng đầu tư, hỗ trợ CNTT cho các ngân hàng có phần vốn góp của BIDV như LVB, VRB, BIDC ... Đồng thời, tích cực tham gia hợp tác kết nối thu Ngân sách Nhà nước giữa BIDV và Kho bạc Nhà nước, Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan.

GHI NHẬN NĂM 2009

Uy tín, vị thế về CNTT của BIDV ngày càng được công nhận, đánh giá cao trong quan hệ với khách hàng, đối tác cũng như trong lĩnh vực CNTT. Năm 2009, BIDV tiếp tục tham dự việc xếp hạng ICT Index và đạt hạng nhất Vietnam ICT Index trong khối Ngân hàng thương mại. Đây là lần thứ hai, BIDV đứng ở vị trí thứ nhất Vietnam ICT Index. BIDV cũng là ngân hàng thương mại duy nhất trong khối các ngân hàng tại Việt nam ba năm liên tục (2007-2009) giữ vị trí hàng đầu Vietnam ICT Index. Kết quả ICT Index của BIDV các năm vừa qua đã phản ánh thực trạng hệ thống CNTT của BIDV đang phát triển và hoàn thiện một cách mạnh mẽ và bền vững, những nỗ lực và quyết tâm của BIDV trong việc đầu tư phát triển ứng dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đã và đang phát huy hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH NĂM 2009 THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

VỐN

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2008	Thay đổi	
Vốn điều lệ	10.499	8.756	1.743	19,9%
Vốn mua sắm tài sản cố định	1.916	1.597	319	20,0%
Quỹ của TCTD	3.922	2.041	1.881	92,1%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	165	84	81	95,7%
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(352)	-	(352)	
Lợi nhuận chưa phân phối	(2.173)	(2.509)	336	-
Tổng Vốn chủ sở hữu	13.977	9.969	4.008	40%

Hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam nói chung, BIDV nói riêng trong năm 2009 gặp nhiều khó khăn, thách thức do những diễn biến bất lợi trong môi trường kinh doanh. Song với mục tiêu duy trì sự ổn định và phát triển, hướng tới cổ phần hóa, năm 2009 BIDV đã nỗ lực đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh. Sau đây là đánh giá kết quả hoạt động trên tổng thể các mặt: Vốn, Tài sản, Khả năng sinh lời, An toàn trong hoạt động:

Quy mô vốn chủ sở hữu tăng trưởng:

Đến 31.12.2009, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng đạt 13.977 tỷ đồng, tương đương 779 triệu USD và tăng 40% so với 2008, đưa tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản tăng từ mức 4,1% năm 2008 lên 4,8% 2009 góp phần nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng.

Có được kết quả này chủ yếu do vốn điều lệ tăng thêm 1.743 tỷ lên mức 10.499 tỷ, các quỹ của ngân hàng cũng tăng mạnh (1.881 tỷ). Bên cạnh đó, kết quả lợi nhuận trong năm đạt được ở mức cao cũng đã làm giảm đáng kể khoản lỗ lũy kế từ những năm trước theo chuẩn mực quốc tế do có sự khác nhau về chuẩn mực trong việc trích lập dự phòng rủi ro theo chuẩn Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Những kết quả trên góp phần đưa hệ số CAR - hệ số an toàn vốn tối thiểu của Ngân hàng tính theo báo cáo tài chính quốc tế đạt mức 7,55%, theo báo cáo tài chính chuẩn mực Việt Nam là 9,53% (quy định tối thiểu của NHNNVN là 8%).

CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

Quy mô tài sản tăng trưởng với cơ cấu hợp lý:

Đến 31.12.09, tổng tài sản của BIDV đạt 292.198 tỷ tương đương 16,3 tỷ đô la Mỹ. Với quy mô tổng tài sản như trên, BIDV vẫn giữ vị trí thứ 2 trên thị trường nội địa sau Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam.

Tổng tài sản năm 2009 tăng 20,5% so với năm 2008 và giảm nhẹ so với tốc độ tăng trưởng bình quân 25% trong giai đoạn 2005 - 2009 do quy mô tổng tài sản ngày một tăng cao và chịu tác động bất lợi từ môi trường kinh doanh nhiều biến động trong năm qua.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản là hoạt động tín dụng với tỷ trọng 68%. Đây là hoạt động mang lại thu nhập chủ yếu cho ngân hàng.

Cơ cấu dư nợ theo loại hình nghiệp vụ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2008	Tăng trưởng	%
Cho vay thương mại	193.962	150.725	43.237	29%
Cho thuê tài chính	2.878	2.501	377	15%
Cho vay ODA	8.268	6.009	2.259	38%
Cho vay ủy thác đầu tư	539	500	39	8%
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ, KHNN	755	1.246	-491	-39%
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	0	1,2	-1,2	-100%
Tổng dư nợ trước DPRR	206.402	160.982	45.420	28%

Tổng dư nợ trước dự phòng rủi ro đạt 206.402 tỷ tăng 28% so với 2008, chủ yếu là tăng từ các khoản cho vay thương mại (chiếm 95% dư nợ tăng thêm), cho vay chỉ định và kế hoạch nhà nước giảm dần qua các năm (đến cuối 2009 số dư chỉ còn 755 tỷ chiếm chưa đầy 0,4% tổng dư nợ). Đặc biệt số dư nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý đã không còn. Lĩnh vực cho vay đa dạng trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề từ như cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế biến, thương nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông lâm thủy sản..., cho vay doanh nghiệp quốc doanh (21%), doanh nghiệp ngoài quốc doanh (TNHH, cổ phần...) chiếm 65%, doanh nghiệp có vốn nước ngoài (3%), tư nhân và cá thể (10%).

Chất lượng tín dụng được nâng lên:

Phân loại nhóm nợ theo tiêu chuẩn quốc tế

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009		2008		Thay đổi	
Nợ đủ tiêu chuẩn	159.918	80,93%	118.837	76,93%	41.081	4,00%
Nợ cần chú ý	32.108	16,25%	31.452	20,36%	656	-4,11%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.531	1,79%	2.833	1,83%	698	-0,05%
Nợ nghi ngờ	864	0,44%	413	0,27%	451	0,17%
Nợ không thu hồi được	1.173	0,59%	937	0,61%	236	-0,01%
Tổng	197.594	100%	154.472	100%	43.122	-
Nợ xấu	5.568	2,82%	4.183	2,71%	1.385	0,11%
Tỷ lệ Quỹ DPRR/Nợ xấu	163%		199%			

Ghi chú: tổng dư nợ được phân loại tại 31.12 không bao gồm cho vay ODA, cho vay ủy thác đầu tư.

Mặc dù những dấu hiệu suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2009 ảnh hưởng nhiều đến tình hình tài chính của khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh ngân hàng, song chất lượng tín dụng của BIDV đã được cải thiện đáng kể, thể hiện:

Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được khống chế ở mức thấp (dưới 3%): năm 2009 tổng dư nợ tăng thêm hơn 43.000 tỷ ~ 28%, song tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 2,82%, có tăng nhẹ so với 2008 song là mức thấp so với mặt bằng chung trong bối cảnh kinh tế không thuận lợi, đặc biệt tiếp tục xu hướng giảm so với mức 3,98% năm 2007.

Tỷ lệ nợ tốt (nợ nhóm 1) tăng lên đáng kể từ mức 77% 2008 lên 81% năm 2009, đồng thời tỷ lệ nợ nhóm 2 (nhóm nợ tiềm tàng có nguy cơ phát sinh nợ xấu cao) giảm được 4% từ mức 20% năm 2008 xuống 16% năm 2009.

Tỷ lệ bù đắp rủi ro (quỹ dự phòng rủi ro/nợ xấu) đảm bảo >1, đạt 163%, giảm so với mức 199% năm 2008 cho thấy quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đảm bảo bù đắp tổn thất nợ xấu, chất lượng tín dụng được đảm bảo nên tỷ lệ trích lập/nợ xấu có xu hướng giảm.

Quy mô, cơ cấu và chất lượng tín dụng đã cho thấy ngân hàng đã thực thi tốt các chính sách tín dụng: kiểm soát chất lượng, đa dạng hóa khách hàng, nâng cao quản lý rủi ro vừa đảm bảo tăng trưởng song vẫn kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2008	So sánh	
			Tuyệt đối	Tương đối
1. Tổng tài sản	292.198	242.316	49.882	21%
2. Vốn chủ sở hữu	13.977	9.969	4.008	40%
3. Tổng thu nhập ròng từ các hoạt động trước chi QLKD và DPRR	9.983	8.520	1.463	17%
4. Chi quản lý kinh doanh	(5.248)	(3.292)	(1.956)	59%
5. Chênh lệch thu chi trước DPRR	4.735	5.228	-493	-9,4%
6. Chi phí DPRR	(1.539)	(3.087)	(1.549)	50%
7. Lợi nhuận trước thuế	3.196	2.141	1.055	49%
8. Lợi nhuận ròng trong năm	2.520	1.780	739	42%

Tăng trưởng quy mô gắn liền với hiệu quả và chất lượng:

Cùng với sự tăng trưởng 21% của tổng tài sản, 40% của vốn chủ sở hữu tăng, lợi nhuận ròng trong năm đạt tăng trưởng 42%, cao hơn tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu.

Tổng thu nhập từ các hoạt động đạt 9.983 tỷ tăng 1.463 tỷ ~ 17%, trong đó thu lãi ròng đạt 6.948 tỷ, thu phí lãi là 3.180 tỷ. Chi quản lý kinh doanh được khống chế ở mức 53% tổng thu nhập ròng (là mức hợp lý theo khuyến nghị của Moody's). Trích DPRR thấp hơn 2008 do tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp (dưới 3,0%).

Lợi nhuận trước thuế đạt 3.196 tỷ, tăng 1.054 tỷ. Theo đó các chỉ số khả năng sinh lời và cơ cấu thu nhập của BIDV như sau:

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời, cơ cấu thu nhập tiếp tục thay đổi theo hướng tích cực:

Stt	Chỉ tiêu	2009	2008
	ROA (Lợi nhuận st/TTS bq)	0,94%	0,80%
	ROE (Lợi nhuận st/Vốn CSHbq)	21,04%	19,38%
Cơ cấu thu nhập - chi phí			
2	Thu từ hoạt động tín dụng/Tổng thu nhập ròng	70%	73%
	Thu từ hoạt động phi tín dụng/Tổng thu nhập ròng	30%	27%
	Thu nợ hạch toán ngoại bảng/Tổng thu nhập ròng	5%	9%
Khả năng bù đắp rủi ro			
3	CAR (yêu cầu >=8%)	7,55%	6,62%

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ROA, ROE đều được cải thiện so với 2008 và đạt theo mức thông lệ. Cơ cấu thu nhập có sự dịch chuyển theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng thu phi lãi từ mức 27% năm 2008 lên 30% năm 2009, trong đó riêng hoạt động dịch vụ nâng tỷ trọng đóng góp từ mức 1.001 tỷ ~ 12% năm 2008 lên mức 1.404 tỷ ~ 14% năm 2009. Tỷ trọng thu lãi giảm từ 73% xuống còn 70% tại 31/12/2009. Hệ số CAR theo IFRS là 7,55% tăng mạnh so với 2008.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ROA, ROE đều được cải thiện so với 2008 và đạt theo mức thông lệ. Cơ cấu thu nhập có sự dịch chuyển theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng thu phi lãi từ

mức 27% năm 2008 lên 30% năm 2009, trong đó riêng hoạt động dịch vụ nặng tỷ trọng đóng góp từ mức 1.001 tỷ ~ 12% năm 2008 lên mức 1.404 tỷ ~ 14% năm 2009. Tỷ trọng thu lãi giảm từ 73% xuống còn 70% tại 31/12/2009. Hệ số CAR theo IFRS là 7,55% tăng mạnh so với 2008.

KHẢ NĂNG THANH KHOẢN

Một năm nhiều thách thức trong công tác thanh khoản, nguồn vốn:

Năm 2009, những biến động trong môi trường kinh doanh, chính sách kinh tế vĩ mô đã tác động mạnh đến tình hình huy động vốn, thanh khoản và tăng trưởng của hệ thống NHNN.

Các chỉ số về thanh khoản

Chỉ tiêu	2009	2008
Dư nợ/Tiền gửi (*)	94,6%	83,0%
TS thanh khoản/Tổng nợ phải trả	7,1%	7,9%
Tiền gửi khách hàng/Tổng nợ phải trả	73,8%	79,4%
Tăng trưởng tiền gửi	11,2%	27,3%

Ghi chú: (*) Tiền gửi gồm tiền gửi của dân cư và tổ chức kinh tế, phát hành giấy tờ có giá, không bao gồm tiền gửi Bộ Tài chính, Kho Bạc nhà nước, tiền gửi và tiền vay các TCTD khác. Ngoài ra, dư nợ còn được cân đối từ nguồn vay từ các tổ chức tài chính nước ngoài, LC – refinancing.

Đầu năm 2009, để chặn đà suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, NHNN thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, cắt giảm liên tục lãi suất cơ bản từ 12% xuống 7%, duy trì đến hết tháng 11.2009 rồi tăng lên 8% trong tháng 12, đồng thời Chính phủ thực hiện gói chính sách kích cầu hỗ trợ lãi suất. Quy mô tín dụng tăng lớn hơn quy mô tăng trưởng nguồn vốn dẫn đến khó khăn trong thanh khoản, áp lực cạnh tranh chia sẻ thị phần khiến các ngân hàng suy giảm tốc độ tăng trưởng HĐV. Các chỉ số về tăng trưởng tiền gửi, hệ số dư nợ/huy động vốn, tỷ lệ tài sản thanh khoản/tổng nợ phải trả, tiền gửi khách hàng/tổng nợ phải trả năm 2009 đều giảm so với 2008.

BIDV vẫn đảm bảo an toàn thanh khoản và tăng trưởng nguồn vốn:

BIDV luôn xác định đảm bảo an toàn thanh khoản và tăng trưởng nguồn vốn là những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Công tác quản lý thanh khoản của BIDV được thực hiện hàng ngày thông qua việc quản lý chặt chẽ dòng tiền vào ra trong toàn hệ thống theo từng loại tiền tệ; thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo và nhận định về tình hình thị trường, mô phỏng các kịch bản thanh khoản để kịp thời đưa ra các giải pháp, ứng phó trong những tình huống khó khăn, nhạy cảm. Do đó, BIDV luôn chủ động và linh hoạt trước mọi tình huống, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống. Đặc biệt trong quý III, quý IV giai đoạn khó khăn nhất trong năm về thanh khoản của toàn hệ thống, BIDV luôn đảm bảo các yêu cầu an toàn về thanh khoản theo quy định của NHNN và Hội đồng ALCO, đáp ứng đủ nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ về khả năng chi trả theo từng loại đồng tiền tại cuối các tháng, các quý đều nằm trong giới hạn theo quy định của NHNN:

Tỷ lệ khả năng chi trả tại 31/12/2009

1 tháng					7 ngày				
CQĐ	VND	USD	EUR	QĐ của NHNN	CQĐ	VND	USD	EUR	QĐ của NHNN
0,76	0,67	1,04	1,55	≥ 0,25	1,25	1,05	1,74	4,87	≥ 1

Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn luôn đảm bảo dưới 30% (tuân thủ theo thông tư 15/TT -NHNN), tại 31/12/2009 là 25,5%.

Như vậy, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong môi trường kinh doanh song trong năm 2009 với sự nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên, BIDV vẫn đảm bảo tăng trưởng quy mô, đảm bảo chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động kinh doanh và an toàn trong hoạt động. Kết quả này tiếp tục tạo ra tiền đề và động lực cho ngân hàng trong năm 2010 là năm xác định thực hiện cổ phần hóa.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

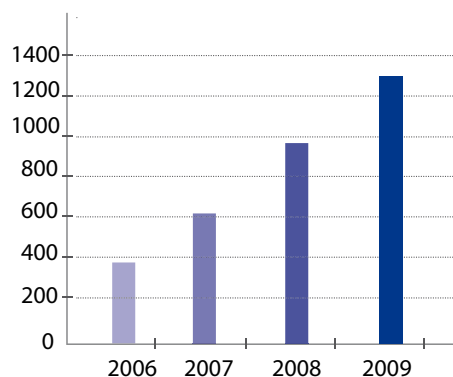
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Năm 2009, thu dịch vụ ròng (không bao gồm hoạt động kinh doanh ngoại tệ và phái sinh) của riêng ngân hàng đạt hơn 1.300 tỷ, tăng trưởng xấp xỉ 35% so với năm trước. Với tốc độ tăng trưởng về thu dịch vụ ròng trong những năm gần đây, kể từ năm 2008, BIDV đã vươn lên đứng đầu hệ thống về thu dịch vụ ròng.

Bên cạnh việc đạt được kết quả tăng trưởng cao, hiệu quả về hoạt động dịch vụ của BIDV đạt được cũng khá quan trọng thể hiện ở chỉ tiêu thu dịch vụ ròng bình quân đầu người đạt 97 triệu/người, tăng trưởng 20% so với năm 2008.

TT	Chỉ tiêu	%Tăng trưởng	%Tỷ trọng
I	Thu hoạt động dịch vụ	32%	100%
1	Hoạt động thanh toán	44%	45%
2	Hoạt động bảo lãnh	20%	39%
3	Hoạt động ngân quỹ	3%	1%
4	Dịch vụ đại lý	17%	1%
5	Dịch vụ khác	39%	14%
II	Chi hoạt động dịch vụ	11%	

Thu DVR (không bao gồm KDNT)





1. Hoạt động bảo lãnh

Là dòng sản phẩm có thể mạnh và truyền thống của BIDV, đến 31/12/2009 đạt mức thu hơn 560 tỷ, chiếm 39% tổng thu và tăng trưởng 20% so với năm 2008. Số dư ròng bảo lãnh năm 2009 đạt khoảng 39.000 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với năm 2008 (nếu tính cả cam kết thanh toán theo L/C thì tổng số dư ròng bảo lãnh và cam kết thanh toán L/C đạt hơn 70.700 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2008).

2. Hoạt động thanh toán

Hoạt động thanh toán (bao gồm các dịch vụ thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại) luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu dịch vụ của BIDV. Với tỷ trọng 45% tổng thu dịch vụ và tốc độ tăng trưởng 44% so với năm trước, thu từ hoạt động thanh toán luôn khẳng định vai trò quan trọng trong hoạt động dịch vụ của BIDV.

❑ Đối với hoạt động thanh toán trong nước: doanh số thanh toán năm 2009 đạt gần 4 triệu tỷ đồng, tăng 53% so với năm 2008;

❑ Đối với hoạt động chuyển tiền quốc tế: doanh số chuyển tiền quốc tế đạt gần 450 ngàn tỷ đồng (quy đổi), tăng trưởng 87% so với năm 2008. Trong đó, riêng dịch vụ Western Union có doanh số chuyển tiền đạt 70 triệu USD, tăng trưởng 13% so với năm 2008.

❑ Đối với hoạt động tài trợ thương mại: doanh số tài trợ xuất khẩu đạt khoảng 1.200 triệu USD, doanh số tài trợ nhập khẩu đạt khoảng 5.100 triệu USD. Thu ròng từ hoạt động này đạt hơn 230 tỷ đồng, tăng trưởng 51% so với năm 2008.

❑ Bên cạnh các hoạt động thanh toán truyền thống, một số hoạt động dịch vụ thanh toán đang được đẩy mạnh tại BIDV gồm: dịch vụ thu NSNN của ngành thuế, hải quan với KBNN, dịch vụ quản lý tiền mặt toàn cầu cho doanh nghiệp Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia,... tại Việt Nam

3. Các hoạt động khác

Các hoạt động dịch vụ khác (bao gồm dịch vụ thẻ, phi tín dụng, BSMS, bảo hiểm,...) cũng đạt mức thu hơn 200 tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với năm 2008, chiếm tỷ trọng 14% trong tổng thu dịch vụ của BIDV.



HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Về tăng trưởng tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV trong năm 2009 được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời vừa thể hiện vai trò tiên phong trong việc thực hiện chính sách tiền tệ, góp phần bình ổn thị trường tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô đồng thời phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình nguồn vốn của hệ thống.

Dư nợ tín dụng đến ngày 31/12/2009 tổng dư nợ trước DPRR là 206.402 tỷ; sau DPRR là 198.979 tỷ. Tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng, tập trung ưu tiên đáp ứng vốn cho sản xuất và xuất khẩu, cho các công trình trọng điểm quốc gia đồng thời kết hợp với kiểm soát chất lượng để hoạt động tín dụng của BIDV luôn đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Bên cạnh đó, BIDV đã triển khai có hiệu quả chương trình hỗ trợ lãi suất góp phần bình ổn và kích thích tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với khách hàng vay vốn.

Về chất lượng tín dụng

Năm 2009, BIDV tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng theo thông lệ quốc tế với các biện pháp giảm nợ xấu được tăng cường sát sao và khoa học. Nợ xấu theo kiểm toán quốc tế thời điểm 31/12/2009 của BIDV là 2,8%, và đặc biệt nợ nhóm 2 giảm đáng kể chỉ còn ở mức 16%. Để có được kết quả khả quan trên là do công tác quản lý chất lượng tín dụng và công tác xử lý nợ xấu tiếp tục được phát huy và chú trọng, toàn hệ thống đã nỗ lực vừa kiểm soát không để phát sinh nợ xấu, vừa giảm nợ xấu hiện hữu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời lên ngay kế hoạch, biện pháp xử lý.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam và với quy định mới về giới hạn đầu tư của NHNN, hoạt động đầu tư của BIDV trong năm 2009 được tập trung vào công tác cơ cấu lại, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư và hiệu quả công tác quản lý đơn vị đầu tư, kết hợp với tăng cường năng lực tài chính cho các đơn vị liên doanh đồng thời triển khai đầu tư các dự án trọng điểm theo chỉ đạo của Chính phủ. Tính đến ngày 31/12/2009, giá trị danh mục đầu tư của BIDV (bao gồm các công ty trực thuộc) là 6.422,8 tỷ đồng, trong đó:



Khối công ty trực thuộc là 3.429,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 53,4%, khối đơn vị liên doanh là 1.226,6 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 19,1% và khối các đơn vị đầu tư khác là 1.766,7 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 27,5%.

Đa phần các khoản đầu tư của BIDV là trung - dài hạn và sẽ đem lại hiệu quả sau 3-5 năm (bắt đầu từ giai đoạn 2010 - 2012). Trong năm, BIDV đã thực hiện đánh giá lại danh mục theo quy định và trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Năm 2009, BIDV đã triển khai thực hiện cơ cấu được gần 170 tỷ đồng, các khoản cơ cấu lại đều đảm bảo an toàn vốn và có lãi nhằm đưa dần tỷ lệ đầu tư về giới hạn theo quy định của NHNN.

Hiệu quả đầu tư năm 2009 đã được nâng cao rõ rệt so với năm trước với tổng lợi nhuận thu được trong năm là 184 tỷ đồng (không bao gồm lợi nhuận khối công ty), tăng gấp 2,2 lần so với năm 2008.

Xét cơ cấu, các khoản đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của BIDV (tài chính - ngân hàng - bảo hiểm) và các dự án trọng điểm theo chỉ đạo của Chính phủ chiếm 76,7% giá trị tổng danh mục, các khoản đầu tư còn lại (23,3%) chủ yếu thuộc lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế như năng lượng, bưu chính - viễn thông, phân bón hóa chất...

Trong năm, ngoài việc tiếp tục triển khai hai dự án trọng điểm được Chính phủ giao BIDV chủ trì là: Công ty CP phát triển đường cao tốc BIDV và Công ty CP cho thuê máy bay Việt Nam, BIDV còn thực hiện đầu tư sang Campuchia với việc thành lập Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) để mua lại ngân hàng PIB, thực hiện tái cơ cấu toàn diện đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và phát triển Campuchia (BIDC). Ngoài ra, IDCC còn tham gia góp vốn vào ba dự án: Công ty Lương thực Campuchia - Việt Nam, Công ty Phân bón quốc tế năm sao Campuchia, Công ty liên doanh Bảo hiểm Campuchia - Việt Nam và đang triển khai góp vốn thành lập Công ty chứng khoán Campuchia - Việt Nam.

Năm 2010, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên dự báo kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế thế giới có những biến động phức tạp và khó lường, do đó hoạt động đầu tư của BIDV sẽ tập trung vào việc thực hiện những mục tiêu đã đề ra: tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư đảm bảo có hiệu quả, thực hiện đúng quy định của NHNN, tập trung triển khai vào các dự án trọng điểm của Chính phủ, chỉ đạo hoạt động của các đơn vị hoạt động tại nước ngoài.



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Chia sẻ với cộng đồng chính là biểu hiện sinh động trách nhiệm xã hội của một định chế tài chính hàng đầu như BIDV. Năm 2009, An sinh xã hội trở thành yêu cầu trọng tâm của đất nước, thu hút sự chỉ đạo của toàn bộ hệ thống chính trị và sự tham gia hưởng ứng, thực hiện của toàn xã hội. Đây cũng là năm BIDV có bước đột phá trong thực hiện công tác An sinh xã hội, hỗ trợ giảm nghèo với quy mô lớn cả về diện và kinh phí hỗ trợ.

Công tác an sinh xã hội của BIDV tập trung vào các lĩnh vực: Xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo, Hỗ trợ Y tế, Giáo dục và cứu trợ thiên tai. Đây cũng là các lĩnh vực chính để thực hiện hai trong tám mục tiêu Thiên niên kỷ của Chính phủ Việt Nam là Loại bỏ tình trạng bản cùng và Phổ cập giáo dục tiểu học.

Với tổng số tiền 302 tỷ đồng, BIDV đã Xây dựng Đề án Hỗ trợ giảm nghèo và Vì Cộng đồng 2009 -2010, tập trung vào việc giải quyết các nội dung chính sau:

HỖ TRỢ HUYỆN NGHÈO THEO TINH THÂN NGHỊ QUYẾT 30A/2008/NQ-CP của Chính Phủ:

➊ BIDV đã đăng ký với Chính phủ hỗ trợ 5/62 huyện nghèo là Thường Xuân (Thanh Hoá), Kỳ Sơn (Nghệ An), Sốp Cộp (Sơn La), An Lão (Bình Định), Điện Biên Đông (Điện Biên) với tổng mức hỗ trợ là 158 tỷ đồng.

➋ Nguồn hỗ trợ này được dùng để xóa 9.989 ngôi nhà tạm, xây mới 102 phòng học, 116 phòng nội trú cho học sinh vùng cao; xây mới và nâng cấp 17 trạm tế xã theo tiêu chuẩn quốc gia.

HỖ TRỢ GIÁO DỤC, DẠY NGHỀ TẠI BA KHU VỰC TÂY BẮC, TÂY NGUYÊN VÀ TÂY NAM: 30 tỷ đồng, mỗi vùng 10 tỷ đồng để Xây dựng trường Cao đẳng dạy nghề cho con em đồng bào dân tộc ít người.

HỖ TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TẠI CÁC XÃ, HUYỆN NGHÈO KHÁC TRONG TOÀN QUỐC:

Từ nguồn kinh phí và đóng góp của người lao động, BIDV dành 92 tỷ đồng và Xây dựng Quỹ Hỗ trợ hiện vật để ủng hộ đồng bào nghèo theo các nội dung lớn như:

➌ Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai cơn bão số 9, 11: 7, 2 tỷ đồng, 41.700 bộ quần áo, chăn màn; 139.000 đầu sách thư viện, 139.000 vở viết cho học sinh



❶ Hỗ trợ Xóa nhà tạm, dột nát và Y tế, Giáo dục tại các tỉnh thành: 22,8 tỷ

❷ Hỗ trợ chương trình Mổ tìm cho trẻ em nghèo: 1 tỷ đồng

❸ Hỗ trợ 5.000 cặp phao cứu sinh cho học sinh các vùng sông nước, các vùng hay bị thiên tai, bão lũ với tổng giá trị 800 triệu đồng. Dự kiến đến 2015, BIDV hỗ trợ tổng cộng 20.000 cặp phao

❹ Hỗ trợ xây dựng các công trình di tích lịch sử và Vì Cộng đồng khác như: Vọng An Bình (Phú Quốc), Sông Thạch Hãn, Thành Cổ (Quảng Trị), khu chứng tích Sơn Mỹ (Quảng Ngãi...)

ĐI ĐẦU VÀ LÀ HẠT NHÂN VẬN ĐỘNG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP ỦNG HỘ VÙNG NGHÈO VÀ CÁC NƯỚC BẠN:

❶ Hỗ trợ 62 huyện nghèo: 29 tỷ đồng để xóa nhà tạm, nhà dột nát, xóa trường tranh tre nửa lá... với sự tham gia của 17.263 khách hàng doanh nghiệp, cá nhân.

❷ Hỗ trợ Campuchia: 5.220.000 USD và 1200 bộ máy tính để tài trợ cho các chương trình giáo dục, y tế, nước sạch... và hỗ trợ khắc phục hậu quả cơn bão số 9 của nước bạn.

❸ Hỗ trợ Lào: 3.590.000 USD và 200 bộ máy vi tính để hỗ trợ xây dựng các công trình văn hóa lịch sử, giáo dục y tế... Đặc biệt là hỗ trợ xây dựng làng thể thao và tổ chức sự kiện thể thao lớn của Lào như Seagames 25 và các sự kiện văn hóa lịch sử giữa hai nước Việt – Lào.

❹ Hỗ trợ Cuba: 500 máy vi tính và 8.000 quyển vở với tổng giá trị gần 140.000 USD.

❺ Hỗ trợ Myanmar: 680 máy vi tính.





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BIDV (BSC):

Đơn vị: triệu đồng,%



TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	5.137.160	3.084.143	-39,9%
2	Doanh thu HĐ KD CK và lãi ĐT	556.405	619.572	11,4%
	- Doanh thu phí môi giới CK	27.540	61.326	122,7%
	- Doanh thu hoạt động đầu tư góp vốn	108.052	233.398	116,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	(516.363)	436.736	

Năm 2009, hoạt động kinh doanh BSC có nhiều khởi sắc. Tận dụng diễn biến thuận lợi của thị trường, BSC đã tập trung đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, cơ cấu lại danh mục đầu tư, chuyển dịch tài sản theo hướng hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động. Kết quả là năm 2009, Công ty đạt doanh thu hoạt động 619 tỷ đồng, tăng 11,4% so với TH 2008, trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới tăng 122,7%, doanh thu từ hoạt động đầu tư tăng 116%. Lợi nhuận trước thuế đạt 436 tỷ đồng, ROE đạt 82,4 %. Tổng tài sản tại 31/12/2009 đạt 3.084 tỷ đồng.

Năm 2009, BSC tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ giao dịch như: trading online, đặt lệnh qua điện thoại, văn tin trực tuyến, nhắn tin khớp lệnh, tra cứu kết quả giao dịch, kết nối thanh toán trực tuyến qua ngân hàng.. Công ty đã chuyển đổi thành công phần mềm quản lý hiện đại từ IBS sang BSS và chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để kết nối trực tuyến với Trung tâm Lưu ký và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Bên cạnh đó, BSC đã tích cực và chủ động hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ, dự thảo mô hình tổ chức hoạt động và cơ chế động lực mới theo hướng tiệm cận với thông lệ quốc tế ... chuẩn bị các điều kiện tiền đề nhằm hướng tới thực hiện cổ phần hóa trong năm 2010.



CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV (BIC):

Đơn vị: triệu đồng, %

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	1.746.107	1.813.015	4%
2	Tổng DT phí, trong đó:	296.369	406.703	37%
	- Doanh thu bảo hiểm gốc	269.262	370.083	37%
	- Doanh thu tái bảo hiểm	27.107	36.620	35%
3	Tỷ lệ bồi thường	64%	44%	
4	LNTT	(76.879)	80.680	205%
5	Thị phần bảo hiểm gốc	2,5%	2,7%	

Năm 2009, BIC nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm, mở rộng thị phần, tổng doanh thu phí bảo hiểm đến hết ngày 31/12/2009 đạt 406.703 tỷ đồng (đạt 116% KHKD được giao) tăng 37% so với năm 2008. Trong đó, doanh thu bán hàng qua kênh Bancassurance tăng 272% so với năm 2008, chiếm 0,87% tổng doanh thu. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2009 đạt 80.680 tỷ đồng.

Song song với việc đẩy mạnh doanh thu khai thác, BIC đã phát triển thêm một số sản phẩm mới. Cụ thể là: sản phẩm Bình An và An Sinh Toàn Diện phân phối qua kênh Bancassurance, hiện BIC đang tiếp tục xây dựng và đưa vào triển khai sản phẩm bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hàng không và tiếp theo là sản phẩm bảo hiểm trọn gói dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), bảo hiểm cho cây cao su...

Theo số liệu thống kê của toàn thị trường, với tổng doanh thu bảo hiểm gốc đạt được đến cuối năm 2009, BIC tiếp tục đứng thứ 6/28 công ty bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Việt nam (thị phần tăng từ 2,5% năm 2008 lên 2,7%).

Đến nay, BIC đã có 19 Chi nhánh và 40 Phòng kinh doanh khu vực (trong năm 2009 thành lập mới 10 phòng KDKV). Ngoài ra, BIC cũng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại nước ngoài với việc góp vốn thành lập Công ty LD bảo hiểm Lào – Việt (LVI) và là đầu mối hỗ trợ chỉ đạo hoạt động của Công ty LD bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH I:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Dư nợ cho thuê, trong đó:	1.733.126	1.654.667	-4,5%
	Dư nợ cho thuê ngoại ngành	1.353.774	1.391.268	2,9%
2	Tỷ lệ nợ xấu	2,2%	12,3%	
3	Quỹ Dự phòng rủi ro	59.959	65.122	8,6%
4	Lợi nhuận trước thuế	54.163	8.427	-84,4%
5	ROE	16,5%	2,6%	

Do chịu tác động của suy thoái kinh tế cùng với việc không thuộc đối tượng được cấp bù lãi suất khi cho vay như các ngân hàng thương mại nên hoạt động kinh doanh năm 2009 của công ty gặp rất nhiều khó khăn.

Mặc dù vậy, công ty đã có nỗ lực trong việc đẩy mạnh cho thuê ngoại ngành. Dư nợ cho thuê ngoại ngành của công ty đến 31/12/2009 đạt hơn 1.391 tỷ đồng, tăng gần 3% so với năm 2008. Tuy nhiên, năm 2009, do các doanh nghiệp thuê tài chính (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa) gặp khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải biển nên đã ảnh hưởng đáng kể tới chất lượng tín dụng và hiệu quả hoạt động của công ty.

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Dư nợ cho thuê, trong đó:	1.309.446	1.621.589	23,8%
	Dư nợ cho thuê ngoại ngành	1.147.420	1.486.600	29,6%
2	Tỷ lệ nợ xấu	3,3%	11,6%	
3	Quỹ Dự phòng rủi ro	42.590	106.783	150,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	28.120	-30.437	
5	ROE	11,2%		

Cùng chịu ảnh hưởng như công ty CTTC I, hoạt động kinh doanh năm 2009 của công ty CTTC II cũng gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù dư nợ cho thuê vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt, đến 31/12/2009 đạt 1.622 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2008 nhưng với tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và của khách hàng nói riêng nên chất lượng và hiệu quả hoạt động năm 2009 của công ty bị giảm mạnh so với năm 2008.



CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN BIDV (BAMC):

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	62.497	61.974	98%
2	Nợ tiếp nhận	-	-	
3	Thu nợ	13.169	883	6,7%
4	LNTT	7.723	2.950	38%

BAMC được thành lập năm 2001 và hoạt động trong lĩnh vực nhận và xử lý các khoản nợ ngoại bảng. Với vốn điều lệ ban đầu của BAMC là 30 tỷ VNĐ.

Sau 6 năm hoạt động, BAMC đã cơ bản hoàn thành công tác xử lý nợ xấu của BIDV theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, góp phần lành mạnh hóa và tăng năng lực tài chính BIDV. Năm 2009, BAMC đã hoàn tất quá trình cơ cấu lại mô hình hoạt động trên cơ sở Đề án tái cơ cấu được ban lãnh đạo BIDV phê duyệt theo hướng duy trì pháp nhân, thu gọn tối đa hoạt động kinh doanh và nhân sự. Vì vậy, hoạt động BAMC bị thu hẹp lại đáng kể theo đó: doanh số thu hồi nợ đạt 883 triệu đồng, bằng 6,7% so với năm 2008. Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đến 31/12/2009 là 2.950 triệu đồng bằng 38% lợi nhuận năm 2008.



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC):

Đơn vị: nghìn USD

TT	Chỉ tiêu	2009
1	Tổng tài sản	174.677
2	Huy động vốn (*)	104.426
3	Dư nợ tín dụng	84.266
4	Lợi nhuận trước thuế	148

Là Ngân hàng 100% vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC), Ngân hàng ĐT và PT Campuchia (BIDC) được cấp giấy phép hoạt động ngày 28/08/2009 trên cơ sở mua lại toàn bộ Ngân hàng Đầu tư Thịnh Vượng, tái cơ cấu toàn diện, tăng vốn điều lệ lên 70 triệu USD và đổi tên thành BIDC.

Qua 4 tháng hoạt động, BIDC đã bước đầu cung ứng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng cho các khách hàng, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Campuchia và các doanh nghiệp có uy tín của Campuchia nhập khẩu các sản phẩm của Việt Nam, phát huy vai trò là nhịp cầu nối vững chắc kết nối thị trường tài chính – ngân hàng hai nước.

Ngày 26/12/2009, BIDC đã khai trương hoạt động chi nhánh BIDC tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (IDCC):



Được thành lập trên cơ sở thực hiện chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương kết nối thị trường tài chính Việt Nam với thị trường tài chính Campuchia, IDCC là công ty trực thuộc 100% vốn của BIDV.

Đơn vị: nghìn USD

TT	Chỉ tiêu	2009
1	Tổng tài sản	199.345
2	Hoạt động đầu tư góp vốn	75.600
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	119,5

* Ghi chú: Số liệu đã hợp nhất với các công ty con: BIDC, CVI.

TRONG NĂM 2009, IDCC ĐÃ GÓP VỐN THÀNH LẬP:

-Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (vốn điều lệ là 70 triệu USD, do IDCC đầu tư mua lại Ngân hàng PIB của Campuchia, tái cấu trúc lại toàn diện và đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia BIDC). Mục tiêu hoạt động của BIDC là hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Campuchia.

Công ty Liên doanh Bảo hiểm Campuchia - Việt Nam (liên doanh giữa IDCC và một số doanh nghiệp tại Campuchia với số vốn điều lệ 7 triệu USD và IDCC giữ quyền chi phối với tỷ lệ góp vốn là 80%, ~ 5,6 triệu USD).

Bên cạnh đó, IDCC đã và đang xúc tiến việc thành lập, dự kiến góp vốn vào một số đơn vị như Công ty Lương thực Campuchia – Việt Nam, Công ty Phân bón quốc tế năm sao Campuchia, Công ty chứng khoán Campuchia – Việt Nam.

Ngoài ra, bước đầu IDCC đã và đang làm tốt các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động cung cấp thông tin, kết nối giữa các doanh nghiệp Việt Nam, có nhu cầu đầu tư-hợp tác sang CPC, với các doanh nghiệp CPC và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư vào Campuchia.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ BIDV TẠI HỒNG KÔNG (BIDVI)

BIDVI được Bộ Kế hoạch & Đầu tư Việt Nam cấp Giấy phép đầu tư ra nước ngoài ngày 20/03/2008 và Cơ quan chức năng Hồng Kông cấp Giấy phép hoạt động ngày 17/4/2008. BIDVI có vốn điều lệ 09 triệu USD, thuộc sở hữu 100% vốn của BIDV. Được thành lập với mục tiêu chính là huy động và quản lý các quỹ đầu tư, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính nhằm huy động vốn tại thị trường quốc tế để đầu tư về Việt Nam, từ đó thúc đẩy hội nhập, phát triển của BIDV với thị trường tài chính quốc tế, qua đó, góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới, việc huy động quỹ đầu tư và triển khai các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư gặp nhiều khó khăn. Do vậy, trong năm 2009, BIDVI đang ở trong trạng thái không hoạt động “ngủ đông” theo quy định của pháp luật Hồng Kông. Trong thời gian tới, khi môi trường hoạt động thuận lợi hơn, BIDVI có thể sẽ kích hoạt lại hoạt động để triển khai các nghiệp vụ đã đề ra ban đầu.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DOANH:



VID PUBLIC BANK

NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID - PUBLIC BANK

Đơn vị: nghìn USD

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	288.709	354.918	22,93%
2	Huy động vốn	210.020	275.987	31,41%
	HĐV từ TCKT, dân cư	198.671	241.056	21,33%
3	Dư nợ tín dụng	172.888	223.163	29,08%
5	Lợi nhuận trước thuế	9.727	9.164	-5,79%
6	Tỷ lệ nợ xấu	3,65%	1,90%	
7	ROE	18,20%	10,21%	

Năm 2009, NHLD VID Public đã tích cực triển khai nhiều biện pháp đối phó với biến động kinh tế sau khủng hoảng, bao gồm việc áp dụng linh hoạt chính sách lãi suất trong giới hạn quy định của NHNN, tăng cường công tác marketing và quản lý chất lượng khoản vay. Đến 31/12/2009, VPB đã đạt và vượt kế hoạch kinh doanh đề ra cho các chỉ tiêu huy động vốn và dư nợ tín dụng, hoạt động kinh doanh tiếp tục phát triển, an toàn, hiệu quả và bền vững, phục vụ tốt cho hoạt động giao thương giữa hai nước Việt Nam - Malaysia..

VPB cũng tích cực phối hợp với 2 ngân hàng mẹ tiếp thị và thực hiện các giao dịch chuyển tiền kiều hối cho người lao động Việt Nam tại Malaysia. Cho đến nay, sau 18 năm hoạt động, VPB tiếp tục được đánh giá là một trong những liên doanh trong lĩnh vực ngân hàng hiệu quả nhất tại Việt Nam.

Tại thời điểm 31/12/2009, mạng lưới VPB bao gồm 01 Hội sở chính, 01 SGD, 06 chi nhánh và 01 Trung tâm chuyên doanh cho vay mua ô tô, là 1 trong những NHLD có mạng lưới hoạt động rộng nhất tại Việt Nam.



NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT (LVB):

Đơn vị: nghìn USD



TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	206.379	241.101	16,8%
2	Huy động TCKT & dân cư	111.135	138.018	24,2%
3	Dư nợ cho vay	119.500	178.480	49,3%
4	Quỹ DPRR	5.661	5.733	1,27%
5	LN trước thuế	1.169	2.407	105,9%
6	LNST	683	1.992	191,6%
7	Tỷ lệ ROA	0,33%	0.83%	
8	Tỷ lệ ROE	4,20%	13.28%	

Năm 2009, LVB đã được những thành quả khích lệ trong hoạt động kinh doanh, các mặt hoạt động đều ở mức cao, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, là cầu nối thanh toán giữa hai nước Việt Nam và Lào; Lợi nhuận trước thuế vượt 10% kế hoạch được giao, các hoạt động thanh toán đạt hàng nghìn tỷ Kip Lào, đáp ứng nhu cầu thành toán và dịch vụ ngân hàng của doanh nghiệp hai nước, góp phần tích cực vào việc thực thi ổn định chính sách tiền tệ vĩ mô của Chính phủ Lào và thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường Lào.

Mạng lưới của LVB đến thời điểm 31/12/2009, bao gồm: Hội sở chính và 4 chi nhánh tại các thành phố lớn của Việt Nam và Lào đã tạo thành một mạng lưới thanh toán hoàn chỉnh, phục vụ nhu cầu thanh toán cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam - Lào.



NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT - NGA (VRB):

Đơn vị: nghìn USD

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	358.618	368.205	2,67%
2	Huy động vốn	293.684	300.608	2,36%
	HĐV từ TCKT, dân cư	118.418	209.739	77,12%
3	Dư nợ tín dụng	152.137	260.508	71,23%
4	Tỷ lệ nợ xấu	1,15%	2,71%	
5	Lợi nhuận trước thuế	3.993	1.408	
6	ROE (%)	5,57%	2,7%	

Năm 2009, hoạt động kinh doanh của VRB tiếp tục tăng trưởng ở mức cao, kinh doanh có lãi, bước đầu xây dựng được thương hiệu và uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, VRB đã thực hiện tốt vai trò là cầu nối thanh toán giữa hai nước Việt - Nga góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại đầu tư giữa hai nước như: thiết lập kênh thanh toán trực tiếp giữa Việt Nam và Liên bang Nga thông qua ngân hàng mẹ VTB với ba ngoại tệ là USD, EURO và RUB; thúc đẩy các chương trình xúc tiến đầu tư, giới thiệu các dự án tại Việt Nam cho một số đối tác Liên Bang Nga có tiềm năng; phối hợp với các cơ quan ban ngành triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu cá basa, các sản phẩm thủy sản, nông sản vào thị trường Nga, tham gia Hội chợ triển lãm hàng Việt Nam xuất khẩu tại Nga.

Trong năm 2009, VRB đã khai trương hoạt động Ngân hàng con tại Matxcova, Nga, đây là ngân hàng con đầu tiên của Việt Nam được mở tại Liên bang Nga, đánh dấu bước tiến quan trọng và khẳng định sự hiện diện của VRB tại cả hai thị trường tài chính Việt Nam – Liên bang Nga. Đồng thời, VRB thành lập thêm Sở giao dịch, 1 chi nhánh Khánh Hòa và 4 phòng giao dịch nâng tổng số điểm giao dịch của VRB đến 31/12/2009 gồm: 1 Sở Giao dịch, 4 Chi nhánh, 8 Phòng Giao dịch và 1 ngân hàng con tại Matxcova, Nga.

CÔNG TY QUẢN LÝ ĐẦU TƯ BIDV - VIETNAM PARTNER (BVIM):



Đơn vị: nghìn USD

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	2.800	1.977	71%
2	Tổng doanh thu	2.080	1.548	74%
3	Lợi nhuận trước thuế	906	148	16%
4	Lợi nhuận sau thuế	826	146	18%
5	ROA	32,4%	7,5%	n/a
6	ROE	35,4%	8,5%	n/a

Hiện tại, BVIM đang quản lý quỹ 2 quỹ đầu tư song song tại Việt Nam là: Quỹ Đầu tư Việt Nam ("VIF") và Quỹ Đầu tư Việt Nam II ("VIF II"). VIF với quy mô 1.358 tỷ đồng, là quỹ thành viên dạng đóng với 22 nhà đầu tư là các Tập đoàn và Tổng Công ty lớn tại Việt Nam. Quỹ song sinh VIF II với quy mô dự kiến 100 triệu USD, quỹ thành viên dạng đóng, tư cách pháp nhân, được thiết kế riêng cho các nhà đầu tư nước ngoài (Nhật Bản, Châu Âu và Hoa Kỳ) thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam. Mặc dù năm 2009 nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn song VIFII cũng đã duy trì được số vốn là 30 triệu USD theo cam kết từ các nhà đầu tư Nhật Bản và Hoa Kỳ. Cuối năm, giá trị tài sản ròng của VIF đã tăng 61% so với đầu năm, tương ứng thời gian này VN index tăng 56,8%. Giá trị tài sản ròng của VIFII đã tăng 36% so với mệnh giá. Nhìn chung hoạt động của các Quỹ năm qua đã có nhiều khởi sắc.

CÔNG TY LIÊN DOANH THÁP NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV TOWER)



Công ty liên doanh Tháp BIDV được thành lập năm 2005 với số vốn điều lệ đăng ký là 13.102.000 USD trên cơ sở hợp tác giữa BIDV và đối tác Singapore. Công ty được thành lập với mục tiêu chính là xây dựng, vận hành và quản lý Tòa tháp BIDV tại 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội để kinh doanh cho thuê văn phòng và cung cấp các dịch vụ liên quan. Tháp BIDV, với chiều cao 25 tầng theo tiêu chuẩn văn phòng hạng A, cũng là nơi đặt trụ sở chính của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV.

Năm 2009, CTLD đã tích cực phối hợp với các bên tư vấn và đơn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành công tác xây dựng tòa tháp vào cuối năm 2009. CTLD đã lựa chọn Savills là đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, có uy tín về quản lý tòa tháp để đảm bảo đem lại cho khách thuê những tiện ích và dịch vụ của văn phòng cao cấp.

Dự kiến bắt đầu từ năm 2010, tòa tháp BIDV bắt đầu đưa vào khai thác sẽ đem lại doanh thu hàng triệu USD/năm cho CTLD. Tháp BIDV không chỉ là điểm nhấn nổi bật giữa lòng thủ đô Hà Nội mà còn là niềm tự hào của BIDV trong kế hoạch phát triển chuỗi tháp BIDV trên cả nước trong các năm tới.



CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO – VIỆT (LVI):

Đơn vị: USD

TT	Chỉ tiêu	2008	2009	
			Tuyệt đối	%/2008
1	Tổng tài sản	3.165.260	3.111.482	-1,7%
2	Tổng DT phí, trong đó:	316.681	965.353	205%
3	- Doanh thu bảo hiểm gốc	316.681	883.280	179%
4	- Doanh thu tái bảo hiểm	-	82.073	
5	LNTT	(205.616)	(433.092)	111%

Ghi chú: Tỷ giá quy đổi: 1 USD = 8.500 LAK

LVI được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 6/2008, trên cơ sở góp vốn liên doanh giữa Ngân hàng Ngoại thương Lào (BCEL) góp 29%, Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) góp 20% và Công ty bảo hiểm BIDV (BIC) góp 51% với số vốn điều lệ là 3.000.000 USD. Năm 2009, tổng doanh thu bảo hiểm của LVI đạt 965.353 USD, tăng 205% so với năm 2008, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc chiếm 92%.

Sau gần 2 năm hoạt động tại thị trường Lào, LVI đã thành lập được 03 phòng kinh doanh khu vực tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam; phát triển kênh phân phối qua đại lý tại tất cả các tỉnh của Lào nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng.



CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM CAMPUCHIA – VIỆT NAM (CVI):

Đơn vị: USD

TT	Chỉ tiêu	2009
1	Tổng tài sản	7.054.870
2	Doanh thu phí BH:	57.681
	-Phí gốc	57.681
	-Phí nhận tái	-
3	Lợi nhuận sau thuế	(54.588)

CVI là liên doanh đầu tiên giữa Việt nam và Campuchia trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Được cấp GPKD thành lập từ ngày 24/7/2009, CVI chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/11/2009 theo quy định của pháp luật Campuchia với vốn điều lệ 7 triệu USD (trong đó IDCC sở hữu 80%).

Tổng tài sản của CVI đến 31/12/2009 là 7.054.870 USD. Sau 1,5 tháng hoạt động (tính đến 31/12/2009), CVI đạt tổng doanh thu phí bảo hiểm là 57.681 USD, trong đó tỷ trọng doanh thu bảo hiểm tài sản chiếm 87%. Vì mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn, phát sinh nhiều chi phí để vận hành bộ máy công ty hoạt động nên CVI chưa có lợi nhuận





Thực hiện chủ trương của Chính Phủ về cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa luôn được BIDV xác định là nhiệm vụ trọng tâm và cần được thực hiện cẩn trọng cho quá trình đổi mới thành công của Ngân hàng.

BIDV VỚI LỘ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA

Năm 2009, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, đồng thời Chính phủ Việt Nam tập trung thực hiện các giải pháp chống suy giảm kinh tế, cùng với các ngân hàng thương mại khác, BIDV đã tích cực thực thi các chính sách kích thích kinh tế của Chính phủ, chính sách tiền tệ của NHNN góp phần bình ổn thị trường tiền tệ, hỗ trợ doanh nghiệp. Trước tình hình đó, Chính phủ đã thống nhất lùi thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của BIDV để thực hiện cổ phần hóa đến 31/12/2009 (văn bản số 5060/VPCP-ĐMDN ngày 27/7/2009 của Văn phòng Chính phủ). Để tranh thủ điều kiện chuẩn bị tốt hơn cho quá trình cổ phần hóa, BIDV đã nỗ lực, tập trung nâng cao năng lực tài chính, cải thiện hoạt động: (i) Tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt nam và mở rộng hoạt động ra quốc tế; (ii) Lành mạnh hóa tình hình tài chính, triệt để xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng hoạt động hướng tới chuẩn mực quốc tế; (iii) Đổi mới công tác quản trị điều hành, quản lý kinh doanh và mô hình hoạt động; (iv) Phát triển mạng lưới tại các địa bàn có nhiều tiềm năng, giúp BIDV có nhiều lợi thế trong kinh doanh; (v) Hiện đại hóa công nghệ là nền tảng để phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng; (vi) Thực hiện minh bạch hóa thông tin.

Đến nay, trên cơ sở đề xuất của BIDV đã được sự đồng thuận của các Bộ, ngành, dự kiến phương thức và lộ trình cổ phần hóa BIDV trong năm 2010 như sau:

VỀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA:

Triển khai công tác lựa chọn và chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước khi phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng trong nước (IPO trong nước) theo phương thức đàm phán thỏa thuận trực tiếp; giá bán cổ

phần cho nhà đầu tư chiến lược độc lập với kết quả giá đấu thành công bình quân khi đấu giá công khai ra công chúng.

CÁC MỐC ĐIỂM CHÍNH THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA ĐẶT RA TRONG NĂM 2010:

➤ Hoàn thành và trình Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa chi tiết **trong quý II/2010;**

➤ Hoàn thành định giá theo phương pháp tài sản (NAV) và các phương pháp theo thông lệ, trình Ngân hàng Nhà nước công bố giá trị doanh nghiệp **trong quý III/2010;**

➤ Triển khai công tác lựa chọn và chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược trước phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), nỗ lực hoàn tất giao dịch **trong quý IV/2010;**

➤ Sau khi hoàn tất giao dịch bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, tiến hành bán cổ phần cho cán bộ nhân viên và tổ chức công đoàn BIDV theo phê duyệt và hướng dẫn của Chính phủ; tiến hành và nỗ lực hoàn thành các thủ tục pháp lý để chính thức chuyển đổi BIDV thành Ngân hàng Thương mại cổ phần **trong quý I/2011.**

➤ Chuẩn bị song song các nội dung để thực hiện phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) cùng với các nội dung về lựa chọn và chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược; thời điểm thực hiện IPO là linh hoạt, tùy tình huống và điều kiện cụ thể là:

(i) sau khi đã hoàn tất lựa chọn và bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, thời điểm IPO cụ thể sẽ được xác định sau tùy theo điều kiện thị trường và tư vấn của Tư vấn Tài chính Morgan Stanley; hoặc,

(ii) thực hiện IPO trong năm 2010 nếu phương án lựa chọn và chào bán chiến lược trước IPO không thực hiện được dứt điểm trong năm 2010.

Với định hướng trên, hiện nay BIDV đang nỗ lực chuẩn bị thực hiện các cấu phần công việc để công tác cổ phần hóa thu được kết quả tốt nhất và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật:

➤ Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ cổ phần hóa (hồ

sơ pháp lý, hồ sơ tài sản, công nợ, các khoản vốn đầu tư dài hạn,...) theo quy định của Pháp luật.

➤ Tổ chức triển khai xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản: kiểm kê, phân loại tài sản, công nợ, xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

➤ Xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp dòng tiền chiết khấu và các phương pháp thông lệ với sự hỗ trợ của Tư vấn Morgan Stanley.

➤ Xây dựng Phương án cổ phần hóa bao gồm: phương án sắp xếp lao động, mô hình tổ chức sau cổ phần hóa; phương án kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa; dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHTMCP BIDV; phương án phát hành cổ phiếu.

➤ Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nước ngoài với sự hỗ trợ của Tư vấn Morgan Stanley: thống nhất bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo hướng dẫn của NHNN, phát hành bản công bố thông tin cho các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tiềm năng vào danh sách ngắn, và đàm phán với nhà đầu tư chiến lược.

➤ Chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện IPO thành công vào thời điểm thích hợp: đánh giá tình hình thị trường và dự thảo bản cáo bạch, các tài liệu công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính và UBCKNN.

Song song với quá trình cổ phần hóa BIDV, trong năm 2010 BIDV cũng tiến hành triển khai cổ phần hóa 02 công ty thành viên là Công ty chứng khoán BSC và Công ty Bảo hiểm BIC. Việc cổ phần hóa thành công 2 Công ty con của BIDV dự kiến trong Quý II và Quý III/2010 sẽ đóng góp tích cực vào sự thành công của quá trình cổ phần hóa BIDV.

Với sự chuẩn bị sẵn sàng và cùng quyết tâm, thống nhất trong toàn thể cán bộ nhân viên của hệ thống BIDV thực hiện theo phê duyệt, hướng dẫn của Chính phủ, quá trình cổ phần hóa BIDV chắc chắn sẽ thu được kết quả tốt đẹp, làm cơ sở để BIDV hướng tới xây dựng mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng đa năng, hiện đại.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

MỤC TIÊU KINH DOANH

(i) Cơ cấu lại toàn diện hoạt động của BIDV về tài sản nợ, tài sản có, nền khách hàng và các nguồn thu để đảm bảo tăng trưởng ổn định, vững chắc, hiệu quả. Đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động theo quy định, đặc biệt là đảm bảo an toàn và thanh khoản của toàn hệ thống.

(ii) Hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu kế hoạch 2010 và hoàn thành kế hoạch 5 năm 2006-2010 đã đề ra, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch chiến lược 5 năm 2011-2015.

(iii) Tạo sự dịch chuyển quan trọng cải thiện đáng kể đưa BIDV trở thành ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ và thu dịch vụ ròng, đáp ứng cơ bản các yêu cầu theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế đối với các nội dung kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng vào năm 2012.

(iv) Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng thực hiện cổ phần hóa BIDV trong năm 2010.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH CƠ BẢN CỦA KHỐI NHTM NĂM 2010

Nhóm chỉ tiêu về quy mô

- ▣ Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản: 15% - 16%.
- ▣ Tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân: 17% - 20%.
- ▣ Kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý, đảm bảo tuân thủ theo đúng định hướng của NHNN (< 25%), trong đó dư nợ tín dụng bán lẻ tăng trưởng tối thiểu 35%.

Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

- ▣ ROA: $\geq 1\%$.
- ▣ ROE: $\geq 15\%$.
- ▣ CAR: $> 9\%$.

Nhóm chỉ tiêu cơ cấu, chất lượng

- ▣ Tỷ lệ nợ xấu: $< 3\%$.



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2010

(i) Tiên phong, chủ động thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo chỉ đạo của Thống đốc NHNN, nỗ lực cùng toàn ngành ngân hàng triển khai các định hướng mục tiêu của Chính phủ, đảm bảo ổn định tăng trưởng, phục hồi và phát triển kinh tế, ngăn ngừa lạm phát.

(ii) Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện về hoạt động kinh doanh thông qua nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt nhất KHKD năm 2010, đảm bảo kết quả tích cực cho năm cuối của kế hoạch chiến lược 2006-2010 và tạo tiền đề vững chắc cho các mục tiêu kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2015, đáp ứng yêu cầu chủ động định hình mô hình phát triển và cách thức phát triển của BIDV.

(iii) Tiếp tục hoàn thiện về cơ cấu tổ chức hoạt động phù hợp với quy định, phù hợp với mô hình tổ chức mới và lộ trình cổ phần hóa BIDV; gắn với tăng cường hiệu quả điều hành kinh doanh, kiện toàn đội ngũ các cấp và nâng cao chất lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu cho giai đoạn chuyển hoạt động theo cơ chế NHTMCP trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

(iv) Nỗ lực, tập trung thực hiện hiệu quả và thắng lợi công tác cổ phần hóa BIDV năm 2010, chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới. Đồng thời thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ công tác cổ phần hoá BIDV và các công ty trực thuộc BSC, BIC; chuyển đổi BIDV thành NHTMCP và hướng tới xây dựng tập đoàn tài chính-ngân hàng theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

(v) Tăng cường xúc tiến hoạt động hiện diện thương mại và đầu tư trực tiếp tại các thị trường tiềm năng trong khu vực Đông Nam Á.

(vi) Nâng cao vai trò quản trị rủi ro trong hoạt động; tăng cường kiểm tra, kiểm soát đảm bảo an toàn hệ thống: tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ, bổ sung hoàn thiện các văn bản chế độ liên quan đến hoạt động kiểm tra.

(vii) Tiếp tục chú trọng triển khai công tác an sinh xã hội theo chiều sâu và quan tâm chu đáo đến công việc và đời sống của người lao động trong hệ thống.



292.198

154
95
8
955
967

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
2009



Ernst & Young Vietnam Limited
14th Floor, Daeha Business Center
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District, Hanoi
Socialist Republic of Vietnam

Tel: 84 4 3831 5100
Fax: 84 4 3831 5090

Số tham chiếu: 60755046/14019133

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo tổng quát thu nhập hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất, các chính sách kế toán có liên quan và các thuyết minh đi kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 3 đến trang 88.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành của Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Các trách nhiệm này bao gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp nhằm để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý và không có những sai sót trọng yếu, do gian lận hay thiếu sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp; và thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể.

Trách nhiệm của Công ty Kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các quy trình kiểm toán nhằm để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thông tin trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy trình kiểm toán do Công ty Kiểm toán lựa chọn dựa trên các kết quả đánh giá bao gồm đánh giá mức độ rủi ro của những sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay thiếu sót. Khi thực hiện các đánh giá này, Công ty Kiểm toán xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý nhằm để xây dựng các quy trình kiểm toán phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng mục đích của kiểm toán không phải nhằm để đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp bằng chứng đầy đủ và phù hợp cho ý kiến kiểm toán.

Vấn đề Ngoại trừ

Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Ngân hàng đang nắm giữ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (sau đây được gọi tắt là “Trái phiếu” đã được Chính phủ Việt Nam cấp trong năm 2003 để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng. Các Trái phiếu này được ghi nhận ban đầu và sau đó tiếp tục được theo dõi trên sổ sách kế toán theo mệnh giá với tổng giá trị là 1.350.000 triệu đồng. Việc hạch toán như vậy không tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (“IAS 39) – Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị, theo đó, tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Do ở Việt Nam chưa có thị trường đầy đủ cho Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nên không thể xác định một cách chính xác giá trị hợp lý của chúng. Thực hiện các quy trình kiểm toán thay thế, chúng tôi đã áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất sau thuế ước tính 5,76%/năm của các trái phiếu Chính phủ Việt Nam khác để ước tính thì giá trị hợp lý của các Trái phiếu tại ngày Ngân hàng nhận các Trái phiếu này là 961.550 triệu đồng. Như vậy, giá trị hợp lý của các Trái phiếu thấp hơn so với mệnh giá ghi nhận trong các báo cáo tài chính hợp nhất và dẫn đến các khoản giảm giá trị 388.450 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận Trái phiếu.

Sau khi ghi nhận ban đầu, IAS 39 cũng yêu cầu Ngân hàng xác định giá trị của Trái phiếu vào các năm kế tiếp theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Theo đó, chúng tôi ước tính giá trị phân bổ của các Trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.036.674 triệu đồng (2008: 1.022.337 triệu đồng). Giá trị này thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng trong các báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 313.326 triệu đồng và lỗ lũy kế cũng bị ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2009 và các năm tài chính trước chưa phản ánh giá trị hợp lý, khoản giảm giá trị và ảnh hưởng của việc ghi nhận tiếp theo của các Trái phiếu theo phương pháp giá trị phân bổ theo hướng dẫn của IAS 39.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.



Hà Nội, Việt Nam

Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2009	2008	2009	2008
TÀI SẢN					
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ		2.875.773	2.303.873	2.875.773	2.303.873
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt nam (NHNN)		5.679.704	12.620.934	5.679.704	12.620.934
Tiền gửi không kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác		11.238.483	3.388.992	11.238.483	3.388.992
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác sau trừ DPRR		29.070.790	26.384.623	28.959.012	26.230.741
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	3.557	-	3.557
Chứng khoán kinh doanh	2	939.438	2.140.084	948.629	2.025.149
Cho vay khách hàng sau khi trừ DPRR tín dụng		198.979.088	154.175.792	200.999.434	156.870.045
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	5	208.073.912	162.522.200	206.401.908	160.982.520
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	6	(9.094.824)	(8.346.408)	(5.402.474)	(4.112.475)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3	29.766.004	30.001.819	29.070.837	29.044.056
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn	4	2.246.414	2.350.850	2.406.414	2.350.850
Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết	7	1.863.177	1.642.421	3.228.124	2.778.618
Tài sản cố định hữu hình		1.198.423	1.002.265	1.198.423	1.002.265
Tài sản cố định vô hình		698.201	498.337	698.201	498.337
Tài sản cố định thuê tài chính		407.640	508.203	407.640	508.203
Lợi thế thương mại		10.121	-	6.747	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		238.429	38.222	-	-
Tài sản có khác		6.986.049	5.255.662	8.714.666	6.894.058
TỔNG TÀI SẢN		292.197.734	242.315.634	296.432.087	246.519.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2009	2008	2009	2008
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		22.975.984	17.109.318	22.931.067	16.985.613
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		644.680	1.414.214	644.680	1.414.214
Tiền gửi có kỳ hạn và vay các TDTD khác		14.215.597	7.405.116	13.898.122	7.349.598
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	8	188.828.078	166.290.689	187.280.394	163.396.947
Phát hành giấy tờ có giá		16.462.471	18.251.809	16.017.821	17.650.692
Các nguồn vốn vay khác		28.373.883	15.408.249	28.150.952	15.130.369
Công cụ tài chính phái sinh		202.915	-	202.915	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		619.378	262.071	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		55.149	28.686	-	-
Các khoản nợ khác		5.842.351	6.176.809	9.666.806	11.108.232
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		278.220.486	232.346.961	278.792.757	233.035.665
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn điều lệ		10.498.568	8.755.818	10.498.568	8.755.818
Vốn mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)		1.916.096	1.596.870	1.916.096	1.596.870
Các quỹ dự trữ		3.921.879	2.041.125	4.201.174	2.088.791
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính		165.449	84.329	220.598	84.329
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(351.703)	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		(2.173.041)	(2.509.469)	802.894	958.205
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.977.248	9.968.673	17.639.330	13.484.013
TỔNG NGUỒN VỐN		292.197.734	242.315.634	296.432.087	246.519.678

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2009	2008	2009	2008
Thu nhập lãi và các khoản tương tự	9	21.183.619	22.124.352	21.209.756	22.139.155
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	9	(14.235.364)	(15.895.605)	(14.235.364)	(15.903.047)
Thu nhập lãi thuần		6.948.255	6.228.747	6.974.392	6.236.108
Thu từ hoạt động dịch vụ	10	1.968.238	1.260.454	1.968.238	1.260.454
Chi phí hoạt động dịch vụ	10	(564.112)	(257.566)	(564.112)	(257.566)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		1.404.126	1.002.888	1.404.126	1.002.888
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	11	208.866	790.779	208.866	790.779
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán	12	510.814	(722.912)	721.642	(839.004)
Lãi/(lỗ) thuần từ đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh		141.159	(7.588)	233.998	119.159
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh khác		304.094	429.407	144.935	260.500
Tổng thu nhập hoạt động		9.517.314	7.721.321	9.687.959	7.570.430
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng		(1.250.470)	(2.404.798)	(2.121.251)	(2.574.523)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cho vay TCTD khác		(71.129)	(141.430)	(71.358)	(144.497)
Thu hồi nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng		466.006	799.435	466.006	799.435
Chi phí dự phòng giảm giá CK giữ đến ngày đáo hạn		(160.000)	-	-	-
Chi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		(57.690)	(541.118)	-	-
Hoàn nhập DPRR tín dụng		-	-	180.327	165.505
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN		8.444.031	5.433.410	8.141.683	5.816.350
Chi phí nhân viên		(3.480.790)	(1.976.002)	(2.708.988)	(1.876.002)
Chi phí khấu hao		(344.320)	(310.972)	(344.320)	(310.972)
Chi phí hoạt động khác		(1.423.084)	(1.004.746)	(1.482.906)	(1.260.858)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(5.248.194)	(3.291.720)	(4.536.214)	(3.447.832)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		3.195.837	2.141.690	3.605.469	2.368.518
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(787.968)	(371.213)	(787.968)	(371.213)
Thuế thu nhập DN hoãn lại		111.658	9.536	-	-
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		2.519.527	1.780.013	2.817.501	1.997.305

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	IFRS		VAS	
	2009	2008	2009	2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21.051.296	21.631.244	21.051.296	21.646.047
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(15.606.683)	(15.304.376)	(15.606.684)	(15.304.376)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.404.126	1.002.888	1.404.125	1.002.888
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	208.866	790.779	208.866	790.779
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	466.006	50.779	466.006	50.779
Thu nhập thuần từ hoạt động chứng khoán và hoạt động khác	295.390	313.477	125.848	298.676
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(423.728)	(477.570)	(423.728)	(477.570)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	2.783.390	5.050.202	3.094.194	5.328.123
(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động				
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	3.844.098	2.311.464	185.155	1.113.598
Đầu tư về chứng khoán	821.693	(4.799.922)	(3.305.319)	(2.876.422)
Công cụ TC phái sinh và các TSTC khác	3.557	28.086	3.557	28.086
Cho vay và ứng trước khách hàng	(45.652.176)	(30.417.291)	(45.419.388)	(28.998.967)
Giảm nguồn DP để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	-	-	(384.736)	(1.418.326)
Tài sản khác	(1.849.948)	279.837	(1.779.180)	279.837
Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động				
Tiền gửi và tiền vay từ BTC và NHNN	7.934.253	1.896.990	5.945.454	(1.243.419)
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác	2.678.639	1.091.231	5.778.989	798.260
Các nguồn vốn vay khác	11.387.712	8.170.634	11.387.712	8.170.634
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ TC khác	202.915	-	202.915	-
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	23.883.446	28.061.246	23.883.447	28.061.246
Chi từ các quỹ	(2.162)	-	(542.333)	(287.238)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

(Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	IFRS		VAS	
	2009	2008	2009	2008
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Các công nợ khác	(472.374)	2.818.983	(674.863)	2.818.983
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh	5.563.043	14.491.460	(1.624.396)	11.774.394
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua sắm tài sản cố định	(537.520)	(703.873)	(537.520)	(703.873)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	5.216	-	5.216
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(24.794)	(793.907)	(74.664)	(767.071)
Cổ tức nhận được trong năm	156.896	102.728	156.896	102.728
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	(405.418)	(1.389.836)	(455.288)	(1.363.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tăng vốn điều lệ do Chính phủ cấp bổ sung trong kỳ	1.696.700	19.231	1.696.700	19.231
Tăng vốn điều lệ từ thu hồi nợ thương mại đã xử lý theo Quyết định của Chính phủ	-	799.435	-	799.435
Tăng vốn điều lệ từ lãi Trái phiếu CPĐB	44.550	44.550	44.550	44.550
Sử dụng các quỹ trong năm	-	(9.319)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.741.250	853.897	1.741.250	863.216
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	6.898.875	13.955.521	(338.434)	11.274.610
Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm đầu kỳ	19.925.844	5.970.323	40.703.826	29.429.216
Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm cuối kỳ	26.824.719	19.925.844	40.365.392	40.703.826

MỘT SỐ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2009 THEO IFRS

1. TÓM TẮT CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Ngân hàng thực hiện ghi chép bằng đồng Việt Nam và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất bằng triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”) theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và Hệ thống Kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (“IFRS”). Các báo cáo tài chính hợp nhất có khác biệt so với các báo cáo tài chính được lập theo luật định tại Việt Nam ở chỗ các báo cáo này bao gồm một số điều chỉnh nhưng không được thể hiện trong sổ sách của Ngân hàng theo VAS. Những điều chỉnh đó là cần thiết để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về vốn chủ sở hữu của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành, ngoại trừ việc ghi nhận giảm giá Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (theo IAS 39 – “Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị”)

Ảnh hưởng loại trừ của các khác biệt cơ bản đến thu nhập giữ lại (lỗ lũy kế) trong báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS và IFRS được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS.

Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Vào cuối năm tài chính, Ngân hàng và các công ty con tiến hành thẩm định các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng để xác định mức độ dự phòng cho các khoản nợ xấu ghi nhận

trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đặc biệt, các ước tính liên quan đến số tiền và thời gian đến hạn của các dòng tiền trong tương lai là cần thiết khi xác định mức độ dự phòng cho các khoản nợ xấu. Ngân hàng đưa ra các ước tính này dựa trên khả năng tài chính của khách hàng vay và giá trị có thể thu hồi được của tài sản đảm bảo. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố có mức độ khác nhau trong nhận định chủ quan cũng như tính không chắc chắn và kết quả thực tế có thể khác nhau dẫn đến việc có thể có điều chỉnh một số khoản trong tương lai.

Các khoản vay không được ghi nhận dự phòng giảm giá khi đánh giá khả năng giảm giá trị một cách riêng lẻ – Nợ đủ tiêu chuẩn và các khoản vay không thể đánh giá riêng lẻ sẽ được xem xét khả năng giảm giá trị theo nhóm để xác định mức dự phòng cần trích lập do các sự kiện khách quan đã xảy ra nhưng chưa xác định được tổn thất một cách rõ ràng.

Việc đánh giá theo nhóm này dựa trên các yếu tố như chất lượng tín dụng, lịch sử trả nợ, sử dụng vốn vay, tỷ lệ tài sản đảm bảo v.v..., những bất lợi từ điều kiện kinh tế, lĩnh vực kinh doanh như tỷ lệ thất nghiệp, rủi ro quốc gia, cũng như khả năng bị suy giảm của luồng tiền trong tương lai.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi có bằng chứng cho thấy Ngân hàng sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của khoản doanh thu này có thể tính toán được. Sau đây là những điều kiện cụ thể cho việc ghi nhận doanh thu:

Ghi nhận thu nhập/chi phí lãi và các khoản tương đương

Đối với các công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, lãi của tài sản tài chính sẵn sàng để bán và công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua tài khoản lỗ lãi, chi phí và thu nhập lãi được ghi nhận theo áp dụng phương pháp lãi suất thực, là lãi suất được dùng để ước tính dòng tiền thu hồi được trong tương lai trong thời hạn của công cụ tài chính hoặc trong ngắn hạn, nếu phù hợp, về giá trị sổ sách của tài sản hoặc công nợ tài chính. Những tính toán này đã tính đến tất cả điều khoản của hợp đồng của các công cụ tài chính (ví dụ, quyền chọn trả trước) và bao gồm bất kỳ khoản phí hoặc chi phí gia tăng trực tiếp của các công cụ và là một phần của chi phí thực trong lãi suất thực, nhưng không phải là tổn thất tín dụng trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính hoặc nợ tài chính được điều chỉnh nếu Ngân hàng điều chỉnh ước tính các khoản thanh toán hoặc thu nhập. Điều chỉnh giá trị ghi sổ được tính toán dựa trên lãi suất thực gốc và sự thay đổi của giá trị ghi sổ được ghi nhận vào mục “Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh khác”. Tuy nhiên, đối với tài sản tài chính phân loại lại mà Ngân hàng ước tính rằng luồng tiền mà Ngân hàng sẽ nhận được trong tương lai lớn hơn so với ước tính ban đầu thì phần gia tăng này sẽ được ghi nhận thông qua việc điều chỉnh lãi suất thực kể từ ngày ước tính lại.

Khi giá trị ghi nhận của một tài sản tài chính trong một nhóm các tài sản tài chính tương tự bị giảm do giảm giá trị tài sản, thu nhập lãi tiếp tục được ghi nhận sử dụng lãi suất thực ban đầu tính trên giá trị ghi sổ mới.

Thu nhập từ phí dịch vụ

Ngân hàng thu phí từ các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Thu nhập từ phí có thể chia thành các nhóm sau:

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ giao dịch

Phí phát sinh từ việc đàm phán và tham gia đàm phán các giao dịch cho một bên thứ ba – ví dụ dàn xếp việc mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác hoặc mua lại doanh nghiệp – được ghi nhận khi hoàn tất giao dịch liên quan. Phí hoặc các bộ phận của phí này có liên quan đến việc thực hiện một công việc nhất định sẽ được ghi nhận khi hoàn tất điều kiện tương ứng.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán của Ngân hàng được thiết lập.

Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh

Kết quả thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh bao gồm lãi/lỗ do thay đổi giá trị hợp lý và thu nhập lãi, chi phí lãi (nếu có) có liên quan và cổ tức của tài sản tài chính và công nợ tài chính giữ để kinh doanh.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15,00% lương cơ bản hàng tháng cho suốt thời gian làm việc tại Ngân hàng của họ.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bằng 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: Theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 thì người lao động đóng bằng 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

2. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán Nợ	330.362			
Chứng khoán niêm yết	-	309.468	734.242	848.986
Chứng khoán không niêm yết	758.824	-	27.603	27.603
Chứng khoán Vốn	353.952	629.970	1.847.966	1.263.495
Chứng khoán niêm yết	404.872	217.529	1.403.536	897.402
Chứng khoán không niêm yết	1.089.186	412.441	444.430	366.093
		939.438	2.609.811	2.140.084

3. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Chi tiết các khoản chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán nợ	28.800.652	28.235.081	28.602.776	28.428.871
Chứng khoán vốn	1.868.816	1.530.923	2.093.049	1.572.948
	30.669.468	29.766.004	30.695.825	30.001.819

Chứng khoán nợ

Chi tiết các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán do Ngân hàng nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009		2008	
		Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý
Chứng khoán Chính phủ		18.792.945		22.405.298
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành		3.529.482		1.829.731
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành		5.912.654		4.193.842
Tổng		28.235.081		28.428.871

Chứng khoán vốn

Chi tiết các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vào các tổ chức khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Giá mua	Giá trị hợp lý	Giá mua	Giá trị hợp lý
Chứng khoán vốn niêm yết trên TTCK	712.396	536.712	700.740	462.298
Chứng khoán vốn được giao dịch trên TT OTC	561.373	399.164	833.498	551.839
Chứng khoán vốn khác	595.047	595.047	558.811	558.811
	1.868.816	1.530.923	2.093.049	1.572.948

4. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009		2008	
	Mệnh giá	Giá trị phân bổ	Mệnh giá	Giá trị phân bổ
Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (*)	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Công trái Giáo dục	592.423	816.828	592.423	767.902
Trái phiếu Đô thị của UBND tỉnh Đồng Nai	30.000	32.459	30.000	32.459
Trái phiếu KBNN tỉnh Điện Biên	527	466	-	-
Trái phiếu xây dựng Thủ đô	884	1.115	-	-
Trái phiếu KBNN tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu	5.000	5.097	-	-
Trái phiếu do tổ chức kinh tế phát hành	200.000	200.449	200.000	200.489
	2.178.834	2.406.414	2.172.423	2.350.850
Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		(160.000)		-
		2.246.414		2.350.850

(*): Ngoại trừ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt đang được ghi nhận theo mệnh giá

5. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	2009	2008
	Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	191.262.117
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	2.320.388	3.218.964
Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính	2.877.868	2.500.505
Các khoản phải trả thay khách hàng	1.671	700
Cho vay bằng vốn ODA	8.267.946	6.009.379
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ và theo KHNN	754.537	1.245.792
Cho vay ủy thác	539.182	500.000
Cho vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài	378.199	-
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	-	1.193
	206.401.908	160.982.520
Lãi dự thu cho vay khách hàng	1.672.004	1.539.680
	208.073.912	162.522.200
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	(9.094.824)	(8.346.408)
	198.979.088	154.175.792

Chỉ tiêu	2009	2008
	lãi suất %/năm	lãi suất %/năm
Cho vay thương mại bằng VNĐ	10,50 đến 12,75	11,14 đến 21,00
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	4,50 đến 7,50	(*)

(*) Ngắn hạn: 6,50%/năm đến 8,00%/năm

Trung, dài hạn: Sibor + biên độ 2,50%/năm đến 3,50%/năm

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay hợp vốn mà Ngân hàng làm đầu mối hay tham gia với tư cách là ngân hàng thành viên, bằng VNĐ và USD.

Cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước bao gồm các khoản cho vay đối với các doanh nghiệp và dự án theo kế hoạch phát triển như hướng dẫn của Chính phủ và được tài trợ tương ứng từ nguồn vốn của NHNN và Bộ Tài chính. NHNN và Bộ Tài chính quy định mức lãi suất đối với các khoản cho vay này.

Cho vay bằng vốn ODA bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính. Ngân hàng chỉ đóng vai trò là đại diện quản lý những nguồn vốn này. Theo đó, Ngân hàng không chịu bất kỳ rủi ro tín dụng nào liên quan đến khoản cho vay này theo như các điều khoản đã được quy định trong bản thỏa thuận với nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính. Những khoản cho vay mất khả năng thanh toán sẽ được thông báo lại cho các nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính để có giải pháp xử lý. Những khoản cho vay khác cũng được tài trợ bởi nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình phát triển chính thức nhưng Ngân hàng phải chịu toàn bộ rủi ro được phân loại thành các khoản cho vay thương mại.

6. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết của Chi phí rủi ro tín dụng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	1.250.470	2.404.798
Thu hồi nợ xấu đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro tín dụng	(466.006)	(799.435)
Tổng chi phí rủi ro tín dụng trong năm theo IFRS	784.464	1.605.363

Thay đổi dự phòng tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	8.346.408	6.387.810
Dự phòng trích lập tăng trong năm	1.250.470	2.404.798
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm	(502.054)	(446.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	9.094.824	8.346.408

Chi tiết của chi phí dự phòng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Chi phí dự phòng theo quy định trong năm	1.941.153	2.412.085
Hoàn nhập dự phòng trong năm theo IFRS	(690.683)	(7.287)
Tổng chi phí dự phòng trong năm theo IFRS	1.250.470	2.404.798

Chi tiết kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Số dư nợ gốc	Mức dự phòng cụ thể	Tỷ lệ dự phòng/ dư nợ %
Phân loại rủi ro			
Nợ đủ tiêu chuẩn	159.917.768	-	-
Nợ cần chú ý	32.108.407	5.997.073	18,68
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.531.482	1.439.187	40,75
Nợ nghi ngờ	864.493	611.838	70,77
Nợ có khả năng mất vốn	1.172.630	1.046.726	89,26
	197.594.780	9.094.824	4,60
Cộng:			
Cho vay bằng vốn ODA	8.267.946		
Cho vay ủy thác được đánh giá là có rủi ro thấp và Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ ngay sau thời điểm cuối năm	539.182		
Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	206.401.908		

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 được phân loại như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Số dư nợ gốc	Mức dự phòng cụ thể	Tỷ lệ dự phòng/ dư nợ %
Phân loại rủi ro			
Nợ đủ tiêu chuẩn	118.837.481	-	0,00
Nợ cần chú ý	31.452.426	5.523.087	17,56
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.832.544	1.666.433	58,83
Nợ nghi ngờ	413.369	273.781	66,23
Nợ không thu hồi được	937.321	883.107	94,22
	154.473.141	8.346.408	5,40
Cộng:			
Cho vay bằng vốn ODA	6.009.379		
Cho vay ủy thác được đánh giá là có rủi ro thấp và Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ ngay sau thời điểm cuối năm	500.000		
Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	160.982.520		

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Đầu tư vào các công ty liên doanh	Đầu tư vào các công ty liên kết	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.398.335	244.086	1.642.421
Vốn góp tăng trong năm	94.931	998	95.929
Phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong năm của các công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	127.040	14.119	141.159
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	47.725	-	47.725
Trừ: Cổ tức nhận được trong năm	(64.057)	-	(64.057)
Vốn góp giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.603.974	259.203	1.863.177

(*): Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên doanh từ đô la Mỹ sang VND cho mục đích hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng

8. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Tiền gửi không kỳ hạn	49.256.624	44.936.968
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	40.509.527	32.771.138
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	112.614	198.564
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.612.692	11.955.425
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	21.791	11.841
Tiền gửi có kỳ hạn	134.708.384	115.267.125
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	60.007.233	57.936.949
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	48.128.651	32.418.466
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.868.321	13.574.505
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	12.704.179	11.337.205
Tiền gửi vốn chuyên dụng	3.315.386	3.192.854
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	1.294.377	1.333.973
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	2.021.009	1.858.881
	187.280.394	163.396.947
Lãi dự chi tiền gửi khách hàng	1.547.684	2.893.742
	188.828.078	166.290.689

Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	89.804.276	88.256.665
Doanh nghiệp quốc doanh	40.742.844	33.108.262
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	43.754.709	47.013.692
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.306.723	8.134.711
Tiền gửi của cá nhân	74.231.968	58.006.710
Tiền gửi của các đối tượng khác	23.244.150	17.133.572
	187.280.394	163.396.947

9. THU NHẬP LÃI RÒNG

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Thu nhập lãi tiền gửi	1.210.481	1.637.868
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	17.190.655	18.186.336
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	246.306	291.539
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán	2.211.114	1.725.967
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn	75.191	281.452
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	249.872	1.190
	21.183.619	22.124.352

Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Trả lãi tiền gửi	11.616.220	12.422.004
Trả lãi tiền vay	668.722	1.706.097
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.939.349	1.709.008
Trả lãi tiền thuê tài chính	422	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	10.651	58.496
	14.235.364	15.895.605

10. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Thu phí dịch vụ từ		
Hoạt động thanh toán	644.859	449.400
Hoạt động bảo lãnh	564.619	471.665
Hoạt động ngân quỹ	16.968	16.505
Dịch vụ đại lý	13.844	39.829
Hoạt động bảo hiểm	440.397	134.658
Dịch vụ khác	287.551	148.397
	1.968.238	1.260.454
Chi phí dịch vụ liên quan đến		
Hoạt động thanh toán	(27.997)	(23.103)
Hoạt động ngân quỹ	(50.289)	(36.534)
Bưu điện, viễn thông	(39.960)	(30.211)
Dịch vụ đại lý	(566)	(14.406)
Hoạt động bảo hiểm	(324.500)	(135.345)
Dịch vụ khác	(120.800)	(17.967)
	(564.112)	(257.566)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.404.126	1.002.888

11. LÃI/LỖ THUẦN TỪ KINH DOANH NGOẠI TỆ & VÀNG

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	771.172	893.442
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	91.272	363.288
	862.444	1.256.730
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(390.611)	(340.593)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(262.967)	(125.358)
	(653.578)	(465.951)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	208.866	790.779

12. LÃI/LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị: Triệu VND

	2009	2008
Chỉ tiêu		
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	341.558	70.863
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(192.587)	(106.538)
Thay đổi giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh	361.843	(687.237)
Lãi/(lỗ) thuần về mua bán chứng khoán kinh doanh	510.814	(722.912)

13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày lập báo cáo tài chính này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Số tham chiếu: 60755046/14019133

Tel: 84 4 3831 5100
Fax: 84 4 3831 5090

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bản cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 2 đến trang 90. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra thoe phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Vietnam



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2010



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV



MẠNG LƯỚI

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

I. TRỤ SỞ CHÍNH

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84 4) 22205544/ Fax: (84 4) 22200399

Website: www.bidv.com.vn

Email: Info@bidv.com.vn

II. CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

1. CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV (BIC)

Tầng 10 tháp A Vincom 191 Bà Triệu Hà Nội

ĐT: (84 4) 22200281 / Fax: (84 4) 22200282

2. CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BIDV (BSC)

Tầng 10 tháp A Vincom 191 Bà Triệu Hà Nội

ĐT: (84 4) 22200668 / Fax: (84 4) 22200669

3. CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH 1 BIDV (BLC1)

Tầng 8 toà nhà CDC BUILDING -

Số 25 Lê Đại Hành - Hà Nội

ĐT: (04) 39.743.838 / Fax : (04) 39.743.939

4. CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH 2 BIDV (BLC2)

78 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường Nguyễn Thái Bình -

Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Fax : (08) 38.218 878

5. CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN (BAMC)

Tầng 20, Tháp A Vincom 191 Bà Triệu - Hà Nội

6. NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (BIDC)

23 KramounSar, Sangkat Phsar Thmey 2, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Campuchia

7. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA (IDCC)

27 Suramarit Blvd, Sangkat Chaktomuk, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Campuchia.

III. CÁC LIÊN DOANH

1. NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID PUBLIC BANK

Tòa nhà Tung Shing, số 2 Ngô Quyền, Hà Nội

Tel: (84 4) 38268 307/ Fax: (84 4) 8268 228

2. NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT (LVB)

127 đường Kim Liên mới - Ô Chợ Dừa Hà Nội

ĐT: (84 4) 39721 531/ Fax: (84 4) 8721 534

3. NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT NGA (VRB)

85 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84 4) 39426668 / Fax: (84 4) 9426669

4. CÔNG TY QUẢN LÝ ĐẦU TƯ BIDV - VIETNAM - PARTNER (BVIM)

Tầng 12th, Tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu Hà Nội

ĐT: (84 4) 2225333/ Fax: (84 4) 2225336 Tel: (84 4) 9721

531/ Fax: (84 4) 8721 534

5. CÔNG TY LIÊN DOANH THÁP BIDV

194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội,

ĐT: 04.22205339, Fax 22205535

6. CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM LÀO - VIỆT (LVI)

44 Lanxane Avenue, LVB Tower, Vientiane Capital, Lao P.D.R.

Tel: (856) 21.264972; Fax: (856) 21.264971 Service

hotline: (856) 20.3344666

7. CÔNG TY LIÊN DOANH BẢO HIỂM CAMPUCHIA - VIỆT NAM (CVI)

27 Suramarit Blvd, Sangkat Chaktomuk, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Campuchia.

IV.CÁC CHI NHÁNH BIDV

1.Chi nhánh sở giao dịch 1 - BIDV

Vincom, 191 Bà Triệu Q.Hai Bà Trưng Tp.Hà Nội . ĐT: (04) 2.2234234

2.BIDV Hai Bà Trưng

10 Trần Đại Nghĩa Q.Hai Bà Trưng Tp.Hà Nội . ĐT: (04) 3.6284553

3.BIDV Quang Trung

Toà nhà Chingfong, 53 Quang Trung - Q.Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội .
ĐT: (04) 3.9433033

4.BIDV Ba Đình

18 Núi Trúc, Ba Đình - Q.Ba Đình - Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.7264014

5.BIDV Hà Nội

Toà nhà Kinh đô, 93 Lò Đúc - Q.Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.8254609

6.BIDV Tây Hồ

278 Thụy Khê, Q.Tây Hồ - Tp.Hà Nội,
ĐT: (04) 3.7285255

7.BIDV Nam Hà Nội

Số 1281 Đường Giải Phóng - Q.Hoàng Mai - Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.6422878

8.BIDV Đông Hà Nội

Tổ 3, Khối 1, Thị Trấn Đông Anh - H.Đông Anh - Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.8838568

9.BIDV Thăng Long

Số 8 Đường Phạm Hùng, Q.Cầu Giấy,Tp.Hà Nội; ĐT: (04) 3.7544965

10. BIDV Tây Hà Nội

Công ty cầu 11 Thăng Long, xã Xuân Đỉnh, H. Từ Liêm, Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.757 8930

11.BIDV Bắc Hà Nội

Số 137A Nguyễn Văn Cừ, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội; ĐT: (04) 2.2207996

12. BIDV Thành Đô

Số 463 Nguyễn Văn Linh, P.Phúc Đồng, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.8757952

13.BIDV Hà Thành

79-81 Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
Tel: (04) 3.9362086

14.BIDV Thanh Xuân

198 Nguyễn Tuân, Q. Thanh Xuân, Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 2.2212866

15.BIDV Đông Đô

14 Láng Hạ, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.7723046

16.BIDV Cầu Giấy

Toà tháp Hoà Bình,106 Hoàng Quốc Việt, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
ĐT: (04) 3.7556910

17.BIDV Hà Tây

197 Quang Trung, Q.Hà Đông - Tp.Hà Nội
ĐT: (043) 3.3821137

18.BIDV Sơn Tây

191 Đường Lê Lợi, TP.Sơn Tây -Tp. Hà Nội,
ĐT: (04) 3. 3832373

19. BIDV Vĩnh Phúc

8 Đ. Kim Ngọc, P.Ngô Quyền, TX.Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc;
ĐT: (0211) 3. 862684

20.BIDV Phúc Yên

Phường Hùng Vương, TX.Phúc Yên, Vĩnh Phúc;
ĐT: (0211) 3. 8698 76

21.BIDV Bắc Ninh

Nguyễn Đăng Đạo, TP.Bắc Ninh , Bắc Ninh
ĐT: (0241) 3. 822720

22. BIDV Từ Sơn

1A Minh Khai, Thị trấn Từ Sơn, H.Từ Sơn, Bắc Ninh,
ĐT: (0241) 6. 260161

23.BIDV Hải Dương

Số 2 Lê Thanh Nghị, TP.Hải Dương, Hải Dương, ĐT: (0320) 2.210876

24.BIDV Bắc Hải Dương

Số 206 Nguyễn Trãi 2, TT Sao Đỏ, H.Chí Linh, Hải Dương
ĐT: (0320) 3883441

25.BIDV Hưng Yên Km1,

Đường 39, Xã Nghĩa Hiệp; H.Yên Mỹ Hưng Yên; Tel: (0321) 3. 972516

26.BIDV Hải Phòng

Số 68-70 Điện Biên Phủ, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng
ĐT: (031) 3. 841475

27.BIDV Quảng Ninh

Số 737 Lê Thánh Tông, TP.Hạ Long, Quảng Ninh, ĐT: (033) 3. 825502

28.BIDV Tây Nam Quảng Ninh

Số 430 Quang Trung, TX.Uông Bí, Quảng Ninh, ĐT: (033) 3. 663327

29.BIDV Móng Cái

Đường Hùng Vương, TX.Móng Cái
Quảng Ninh
ĐT: (033) 3. 881121

30.Sở giao dịch 3 - BIDV

VIT 519 Kim Mã, Q.Ba Đình, Tp.Hà
Nội
ĐT: (04) 2. 2200570

31.BIDV Thái Bình

80D Lý Thường Kiệt, P.Lê Hồng
Phong,
TP.Thái Bình, Thái Bình
Tel:(036) 3. 731210

32.BIDV Hà Nam

Số 210 đường Lê Hoàn, P.Quang
Trung; TP.Phủ Lý, Hà Nam
ĐT: (0351) 3. 852763

33.Nam Định

Số 92C Đường Hùng Vương
TP.Nam Định, Nam Định
ĐT: (0350) 3.648634

34.BIDV Ninh Bình

Đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Thành, Thành phố. Ninh
Bình, Ninh Bình
ĐT:(030) 3.871429

35.BIDV Thanh Hoá

Số 7 Đường Phan Chu Trinh,
TP.Thanh Hoá,Thanh Hoá
ĐT: (037) 3.852680

36.BIDV Bim Sơn

Số 117 Trần Phú, Phường Ba Đình,
TX.Bim Sơn, Thanh Hoa
ĐT: (037) 3.767752

37.BIDV Nghệ An

Số 216 Đường Lê Duẩn, TP.Vinh,
Nghệ An
ĐT: (038) 3.592843

38.BIDV Phú Quý

Số 6 đường 15, Khối Kim Tân, TX
Thái Hoà, Nghệ An
ĐT: (038) 3961583

39.BIDV Bắc Nghệ An

QL 1A, Thị trấn Hoàng Mai,
H.Quỳnh Lưu, Nghệ An
ĐT: (038) 3.668236

40.BIDV Tây Nghệ An

Khối 7, Thị trấn Đô Lương,
H.Đô Lương, Nghệ An ĐT: (038)
3.871309

41. BIDV Hà Tĩnh

Số 88 Đường Phan Đình Phùng,
P.Tân Giang, TP.Hà Tĩnh, Hà Tĩnh
ĐT: (039) 3. 855587

42. BIDV Quảng Bình

Số 189, Đ. Hữu Nghị, P. Nam Lý,
TP.Đồng Hới, Quảng Bình
ĐT: (052) 3. 824607

43. BIDV Bắc Quảng Bình

Khu phố 4, Thị trấn Ba Đồn,
H.Quảng Trạch, Quảng Bình
ĐT: (052) 3. 512448

44.BIDV Quảng Trị

Số 24 Hùng Vương, TX.Đông Hà,
Quảng Trị
ĐT: (053) 3. 850841

45.BIDV Thừa Thiên Huế

Số 41 Hùng Vương, TP.Huế,
T.T.Huế
ĐT: (054) 3. 825068

46. BIDV Đà Nẵng

Số 90 Nguyễn Chí Thanh, Q.Hải
Châu, Tp.Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.825668

47. BIDV Hải Vân

Số 339 Nguyễn Lương Bằng,
Q.Liên Triều, Tp.Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.731750

48.BIDV Quảng Nam

Số 4 Phan Bội Châu, TP.Tam Kỳ,
Quảng Nam
ĐT; (0510) 3. 859188

49.BIDV Quảng Ngãi

Số 56 Đại Lộ Hùng Vương,
TP.Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
ĐT: (055) 3. 827501

50. BIDV Bình Định

Số 72 Lê Duẩn, TP.Quy Nhơn, Bình
Định
ĐT: (056) 3. 520067

51.BIDV Phú Tài

Km1230 QL1A, KCN Phú Tài, P.Trần
Quang Diệu, TP.Quy Nhơn Bình
Định ĐT:(056) 3. 741103

52.BIDV Phú Yên

Số 287 Nguyễn Huệ, TP.Tuy Hoà,
Phú Yên
ĐT: (057) 3. 822343

53. BIDV Khánh Hoà

Số 35 đường 2/4, TP.Nha Trang,
Khánh Hoà
ĐT: (058) 3. 823495

54.BIDV Ninh Thuận

Số 138 Đường 21 tháng 8, Phước
Mỹ, TP.Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: (068) 3. 825550

55. BIDV Bình Thuận

Số 286A Trần Hưng Đạo, TP.Phan
Thiết, Bình Thuận
ĐT: (062) 3. 821058

56. BIDV Bắc Giang

Nguyễn Gia Thiều, Phường Trần Phú, TP.Bắc Giang, Bắc Giang
ĐT: (0240) 3. 824654

57. BIDV Cao Bằng

Số 46 Phố Xuân Trường, P. Hợp Giang, TX.Cao Bằng, Cao Bằng
ĐT: (026) 3. 852978

58. BIDV Điện Biên

Phố 3, Phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, Điện Biên
ĐT: (023) 3. 825714

59. BIDV Hà Giang

Tổ 19 Phường Nguyễn Trãi, TX.Hà Giang, Hà Giang
ĐT: (0219) 3. 867201

60. BIDV Hoà Bình

Trần Hưng Đạo, P.Phương Lâm, Thành phố. Hoà Bình, Hoà Bình
ĐT: (0218) 3. 854852

61. BIDV Lai Châu

220 Đ. Trần Hưng Đạo, P.Đoàn Kết, TX.Lai Châu, Lai Châu
ĐT: (0123) 3. 876998

62. BIDV Lạng Sơn

Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, P.Chi Lăng, TP.Lạng Sơn
ĐT:(025) 3. 812063

63. BIDV Lào Cai

Số 02 Đ. Hoàng Sào, P. Duyên Hải, TP.Lào Cai, Lào Cai
ĐT: (020) 3. 820009

64. BIDV Phú Thọ

Số 1167 Đường Hùng Vương, P. Tiên Cát, TP.Việt Trì, Phú Thọ
ĐT:(0210) 3. 846582

65. BIDV Sơn La

Số 188 Đường Tô Hiệu, TX.Sơn La, Sơn La
ĐT: (022) 3. 852276

66. BIDV Bắc Kạn

Tổ 8 - Phường Đức Xuân, TX.Bắc Kạn, Bắc Kạn
ĐT: (0281) 3. 878387

67. BIDV Thái Nguyên

Tổ 27, P.Hoàng Văn Thụ (Lương Ngọc Quyến), TP.Thái Nguyên, Thái Nguyên
ĐT: (0280) 3. 855247

68. BIDV Tuyên Quang

Đường Bình Thuận, P.Minh Xuân, TX.Tuyên Quang, Tuyên Quang
ĐT: (027) 3. 822453

69. BIDV Yên Bái

141 Trần Hưng Đạo, P. Hồng Hà, TP.Yên Bái, Yên Bái
ĐT: (029) 3. 862204

70. BIDV Kon Tum

Số 1A Trần Phú, Thành phố.Kon Tum, Kon Tum
ĐT: (060) 3. 869080

71. BIDV Lâm Đồng

Số 30 Trần Phú, TP.Đà Lạt, Lâm Đồng
ĐT:(063) 3. 821171

72. BIDV Bảo Lộc

Số 52 Lê Thị Pha, TX.Bảo Lộc, Lâm Đồng
ĐT:(063) 3. 866802

73. BIDV Đắk Lắk

Số 17 Nguyễn Tất Thành, TP.Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
ĐT: (0500) 3. 952756

74. BIDV Đông Đắklăk

Km52, Quốc lộ 26, Thị trấn EaKar, H.EaKar, Đắk Lắk
ĐT: (0500) 3. 626692

75. BIDV Bắc Đắklăk

Số 170 Hùng Vương (QL 14), Thị xã Buôn Hồ, B. Krông Buk, Đắk Lắk
ĐT:(0500) 3. 570727

76. BIDV Đắk Nông

Đường 23/3, TX.Gia Nghĩa, Đắk Nông
ĐT:(050) 3. 544127

77. BIDV Bình Phước

737, QL 14, Phường Tân Bình, TX.Đồng Xoài, Bình Phước
ĐT:(0651) 3. 870014

78. BIDV Gia Lai

Số 112 Đường Lê Lợi, Phường Hoa Lư, TP.Pleiku, Gia Lai
ĐT: (059) 3. 716896

79. BIDV Long An

Số 140 Hùng Vương, Phường 2, TX.Tân An, Long An
ĐT: (072) 3. 836392

80. BIDV An Giang

Số 49-51-53 Nguyễn Huệ B, TP.Long Xuyên, An Giang
ĐT: (076) 3. 840018

81. BIDV Bắc An Giang

Số 7-9 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Châu Phú A, TX. Châu Đốc, An Giang
ĐT: (076) 3. 564656

82. BIDV Bạc Liêu

B42-B44 TTTM Bạc Liêu, TX.Bạc Liêu, Bạc Liêu
ĐT: (0781) 3. 823816

83. BIDV Bến Tre

Số 21 Đại Lộ Đồng Khởi, Phường 3, TX.Bến Tre, Bến Tre
ĐT: (075) 3. 826084

84. BIDV Cà Mau

Số 53 Đề Thám, Phường 2, TP.Cà Mau, Cà Mau
ĐT: (0780) 3. 832089

85. BIDV Cần Thơ

Số 12 Đường Hoà Bình, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
ĐT: (0710) 3. 822541

86. BIDV Đồng Tháp

Số 12A Đường 30/4, Phường 1, TX.Cao Lãnh, Đồng Tháp
ĐT: (067) 3. 854454

87. BIDV Hậu Giang

Số 45 Ấp Phú Lợi, Xã Tân Phú Thạnh, H.Châu Thành A, Hậu Giang
ĐT: (0711) 3. 848285

88. BIDV Kiên Giang

Số 205 Nguyễn Trung Trực, TP.Rạch Giá, Kiên Giang,
ĐT: (077) 3. 872069

89. BIDV Sóc Trăng

Số 5 Trần Hưng Đạo, P.3, TP.Sóc Trăng, Sóc Trăng
ĐT: (079) 3. 615445

90. BIDV Tiền Giang

Số 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang
ĐT: (073) 3. 877559

91. BIDV Trà Vinh

Số 2B Đ. Lê Thánh Tôn, khóm 3, P.2, TX.Trà Vinh, Trà Vinh
ĐT: (074) 3. 856627

92. BIDV Vĩnh Long

Số 50 Nguyễn Huệ, Phường 2, TX.Vĩnh Long, Vĩnh Long
ĐT: (070) 3. 820541

93. Chi nhánh BIDV

Sở giao dịch 2 - BIDV Số 11 Bến Chương Dương, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 8214929

94. BIDV Gia Định

Số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 5101791

95. BIDV Tp.HCM

Số 134 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thanh Bình, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 8290410

96. BIDV Bắc Sài Gòn

Số 354A Cộng Hoà, P 13, Q.Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 8107511

97. BIDV Đông Sài Gòn

Số 33 Nguyễn Văn Bá, P Bình Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 7221118

98. BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Số 12-14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 8218812

99. BIDV Sài Gòn

Số 503-505 Nguyễn Trãi, P.7, Quận 5, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 8550330

100. BIDV Tây Sài Gòn

Lô 2-4-6, đường C, KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM
ĐT: (08) 3. 7505376

101. BIDV Bà Rịa - Vũng Tàu

Số 24 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP.Vũng Tàu, BR- V.Tàu
ĐT: (064) 3. 852266

102. BIDV Bà Rịa

Số 20-22 Lê Quý Đôn, P. Phước Hiệp, TX.Bà Rịa, Bà Rịa- V.Tàu
ĐT: (064) 3. 716486

103. BIDV Phú Mỹ

Số 132/2 quốc lộ 51, Xã Mỹ Xuân, H.Tân Thành, Bà Rịa- V.Tàu
ĐT: (064) 3. 931718

104. BIDV Bình Dương

Số 37 Yersin, TX.Thủ Dầu Một, Bình Dương, ĐT:(0650) 3. 822423

105. BIDV Nam Bình Dương

Số 01.07-08, Đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, H.Thuận An, Bình Dương,
ĐT:(0650) 3. 756172

106. BIDV Đồng Nai

Số 7 Bùi Văn Hoà, TP.Biên Hoà, Đồng Nai
ĐT:(061) 3.842729

107. BIDV Đông Đồng Nai

Nguyễn An Ninh, Khu Phước Hải, TT Long Thành, H.Long Thành, Đồng Nai
ĐT:(061) 3.546603

108. BIDV Tây Ninh

Số 230 Đường 30/4, TX.Tây Ninh,
ĐT:(066) 3.821256

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84 4) 22205544/ Fax: (84 4) 22200399

Website: www.bidv.com.vn

Email: Info@bidv.com.vn

